

Số: ~~229~~ /BC-UBND

Hà Nội, ngày ~~06~~ tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2021, UBND Thành phố đã giao Kế hoạch Đầu tư đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2021 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch đầu tư công) tại Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020.

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ ĐẾN NGÀY 31/8/2021

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Trong những tháng đầu năm 2021, UBND Thành phố đã triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy tiến độ kế hoạch đầu tư công, ban hành các Văn bản: số 483/UBND-KH&ĐT ngày 18/02/2021 yêu cầu các đơn vị khẩn trương thực hiện Kế hoạch ngay từ đầu năm 2021; số 1013/UBND-KH&ĐT ngày 07/4/2021 về việc hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị triển khai kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020 kéo dài và kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 19/5/2021 về khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện, giải ngân vốn đầu tư phát triển của Thành phố được chỉ ra sau Hội nghị kiểm điểm năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) và thúc đẩy kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021; số 2013/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2021 về cơ chế thanh toán linh hoạt chi phí công tác chuẩn bị dự án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, nhiệm vụ quy hoạch, thanh quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công năm 2021 của Thành phố; số 2302/UBND-KH&ĐT ngày 20/7/2021 và số 2718/UBND-KH&ĐT ngày 20/8/2021 về chỉ đạo tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 kéo dài.

2. Kết quả giải ngân đến ngày 31/8/2021

2.1. Kết quả giải ngân

Tiến độ triển khai và tỷ lệ giải ngân đến nay vẫn còn thấp so với yêu cầu. Đến ngày 31/8/2021, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của toàn Thành phố đạt 25,3% kế hoạch Thành phố giao và bằng 31% kế hoạch Chính phủ giao. Trong đó, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư cấp Thành phố đạt 17,7% kế hoạch vốn (tỷ lệ giải ngân vốn các dự án XDCB tập trung cấp Thành phố đạt 20,3%), tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư cấp huyện đạt 32,7%.

2.2. Nguyên nhân giải ngân chậm

(1) Dịch Covid-19 bùng phát trở lại ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, khối lượng thi công và giải ngân của các dự án.

(2) Công tác GPMB, tái định cư mặc dù đã được Thành phố quan tâm chỉ đạo quyết liệt, kịp thời tháo gỡ nhưng vẫn còn vướng mắc về cơ chế, chính sách xác định nguồn gốc đất, tái định cư; một số dự án còn tình trạng người dân chưa đồng thuận, khiếu kiện về chính sách đền bù, yêu cầu xác định giá bồi thường sát giá thị trường,...làm chậm quá trình thi công, giải ngân dự án.

(3) Giai đoạn vừa qua giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng cao ảnh hưởng đến mạnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành xây dựng và tiến độ thực hiện dự án.

(4) Đối với các dự án ODA đang triển khai, gặp một số khó khăn vướng mắc:

- Ảnh hưởng bởi dịch Covid, nên việc các chuyên gia sang Việt Nam gặp khó khăn; các thiết bị cho các dự án (như đầu máy toa xe của gói thầu số 6 - dự án Tuyến đường sắt đô thị số 3; các thiết bị nhà máy xử lý nước thải của gói thầu số 1 - dự án Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá) phải nhập khẩu từ châu Âu, Nhật Bản... đều bị chậm tiến độ sản xuất và giao hàng.

- Đối dự án Tuyến đường sắt đô thị số 2 có vướng mắc về thủ tục điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án chưa thực hiện xong; và liên quan đến quy hoạch ga ngầm C9 (sát Hồ Hoàn Kiếm) nên không thi công được các gói thầu xây lắp;

- Đối với dự án Tuyến đường sắt đô thị số 3 là vướng mắc về điều chỉnh thời gian và kinh phí của các gói thầu do tiến độ bị thực hiện dự án kéo dài do nhiều nguyên nhân trong đó lớn nhất là việc chậm GPMB các ga ngầm, nhiều khả năng dẫn đến tranh chấp hợp đồng với các nhà thầu quốc tế...;

- Đối với dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án tuyến đường sắt đô thị số 3 Hà Nội là vướng mắc về việc cơ cấu lại dự án, phải thực hiện thủ tục điều chỉnh...

- Ngoài ra, việc giao kế hoạch vốn ODA cấp phát năm 2021 là 6.244,4 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với nhu cầu và đề nghị của thành phố Hà Nội (gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ).

(5) Một số dự án được giao kế hoạch lớn nhưng do vướng mắc nên kết quả giải ngân thấp làm ảnh hưởng đến kết quả chung (ví dụ: dự án Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn- Ga Hà Nội được giao 4.425 tỷ đồng, giải ngân đạt 538 tỷ đồng, đạt 12,2%; Dự án Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục được giao 1.521 tỷ đồng và Ghi thu ghi chi cho các dự án BT 2.000 tỷ đồng nhưng 8 tháng chưa giải ngân...).

(6) Đối với các dự án chuyển tiếp: Chủ đầu tư trong các tháng đầu năm đẩy mạnh thực hiện thi công để hoàn trả khối lượng cho phần vốn đã tạm ứng

năm 2020 nên khối lượng thực hiện để giải ngân kế hoạch vốn 2021 chưa nhiều, chậm thực hiện thủ tục hồ sơ thanh toán; Một số dự án phải điều chỉnh dự án nên chậm giải ngân: Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa, Tích nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì...; Nhiều dự án vướng giải phóng mặt bằng không thực hiện được như: Dự án vành đai 1 (đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục), Xây dựng đường Tam Trinh, Xây dựng tuyến đường từ trạm bơm Cầu Ngà đến Đại lộ Thăng Long, Cải tạo nâng cấp đường 35 đoạn giữa tuyến (Km4+469,12 đến Km 12+733,55),...

(7) Đối với Kế hoạch vốn giao của ngân sách cấp Thành phố: Đến nay còn 5.471.327 triệu đồng chưa phân bổ chi tiết (ngoài phần vốn giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt, chiếm tỷ lệ 16,8% kế hoạch vốn nên cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn của Thành phố.

3. Sự cần thiết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2021

Kết quả giải ngân 8 tháng mới đạt 25,3% kế hoạch Thành phố giao và bằng 31% kế hoạch Chính phủ giao. Đây là mức giải ngân thấp, không đạt được kết quả theo yêu cầu của Chính phủ, Thành ủy, HĐND Thành phố và UBND Thành phố. Với kết quả này, sẽ rất khó đạt được mục tiêu của Chính phủ là đến hết quý III, tỷ lệ giải ngân của toàn Thành phố đạt 60% kế hoạch vốn năm 2021, hết năm 2021 đạt 100%.

Qua rà soát tiến độ thực hiện có một số dự án đang có vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, không đảm bảo tiến độ giải ngân. Bên cạnh đó, có một số dự án có nhu cầu bổ sung vốn so với Kế hoạch đầu tư công năm 2021 đã giao, như: (1) một số dự án đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2019 để hoàn thành dự án, nhưng chủ đầu tư không thực hiện được hết phần vốn năm 2019 (gồm cả phần vốn kéo dài sang năm 2020), đầu năm 2021 không được bố trí vốn, nay cần bố trí lại phần kế hoạch vốn đã bị hủy để hoàn thành dự án; (2) một số dự án có khả năng thực hiện tốt có thể đẩy nhanh tiến độ; (3) một số dự án mới đã hoàn thành thủ tục, đủ điều kiện phân bổ vốn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân; (4) một số dự án để thực hiện theo Chương trình mục tiêu quốc gia.

Do vậy, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân, đảm bảo thực hiện mục tiêu kép “đẩy lùi dịch bệnh, phát triển kinh tế - xã hội” trong bối cảnh Thành phố bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, UBND Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công cấp Thành phố năm 2021. Nội dung cụ thể như sau:

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2021

1. Nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2021 của Thành phố

Kế hoạch đầu tư công năm 2021 của Thành phố là 51.241.326 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách cấp huyện là 18.713.000 triệu đồng;

- Ngân sách cấp Thành phố là 32.528.326 triệu đồng, trong đó: Đã phân bổ cho các chương trình, dự án đầu tư công là 26.891.999 triệu đồng; Riêng phân bổ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố gồm 179 dự án, trong đó: 156 dự án chuyển tiếp chiếm 97% tổng số vốn cho các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố, còn lại 23 dự án mới chỉ chiếm 3% tổng số vốn; Kinh phí đến nay chưa phân bổ chi tiết và chưa sử dụng là 6.221.327 triệu đồng (bao gồm 344.327 triệu đồng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ).

2. Nguồn vốn có thể sử dụng để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

- Trong tháng 8/2021, căn cứ ý kiến của Thường trực HĐND Thành phố tại Công văn số 217/HĐND-KTNS ngày 13/8/2021, UBND Thành phố ban hành tại Quyết định số 4029/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc bổ sung nguồn vốn ngân sách Thành phố năm 2021 ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố để cho vay đối với người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19 (kế hoạch đầu năm đã bố trí 550.000 triệu đồng). Nguồn kinh phí 500.000 triệu đồng từ nguồn điều chỉnh giảm dự toán chi Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà đất và các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất là 100.000 triệu đồng trong tổng dự toán đầu năm 2021 và từ nguồn điều chỉnh giảm dự toán chi Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng đấu giá các khu đất đấu giá là 400.000 triệu đồng trong tổng dự toán đầu năm 2021 là 1.500.000 triệu đồng nhưng đến nay chưa có dự án đủ thủ tục để phân bổ chi tiết.

- Thực hiện lệnh khẩn cấp để đảm bảo hệ thống khí y tế tại các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế Hà Nội, tăng cường công tác điều trị, hạn chế thấp nhất số người tử vong do dịch Covid-19 gây ra. Trên cơ sở Quyết định số 4029/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND Thành phố ban hành lệnh khẩn cấp thực hiện dự án, Liên sở Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính có Tờ trình số 27/TTrLN:KHĐT-TC ngày 31/8/2021 báo cáo UBND Thành phố trình Thường trực HĐND Thành phố xem xét, chấp thuận bố trí ngân sách Thành phố 65.000 triệu đồng từ nguồn giảm dự toán chi Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng đấu giá các khu đất đấu giá năm 2021 còn lại là 1.100.000 triệu đồng nhưng đến nay chưa có dự án đủ thủ tục để phân bổ chi tiết.

Tổng nguồn vốn có thể xem xét sử dụng để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2021 cho các nhiệm vụ, dự án là: 6.221.327 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn từ khoản kinh phí đến nay chưa phân bổ chi tiết là 5.171.327 triệu đồng (gồm 7 khoản).

- Nguồn vốn đầu năm dự kiến cho một số nhiệm vụ nhưng đến nay chưa sử dụng: 1.050.000 triệu đồng (gồm 2 khoản: Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà đất và các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất 50.000 triệu đồng và Nguồn vốn cân đối dự kiến hoàn trả Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố 1.000.000 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

3. Nguyên tắc điều chỉnh

(1). Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công; đảm bảo mục tiêu, định hướng, nguyên tắc phân bổ và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn ngân sách Thành phố năm 2021 đã được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020.

(2). Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021 không làm thay đổi tổng nguồn vốn Kế hoạch vốn đầu tư công đã giao theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Thành phố và Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020.

Trong bối cảnh nhiều dự án lớn của cấp Thành phố thực hiện và giải ngân chậm, không có khả năng hấp thụ vốn đã giao và số vốn còn chưa phân bổ chi tiết từ đầu năm, đề xuất xem xét bố trí hỗ trợ bổ sung cho dự án dân sinh có ý nghĩa phát triển kinh tế xã hội của cấp huyện.

(3). Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đối với các dự án gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện, dự án chậm tiến độ không có khả năng thực hiện và giải ngân hết kế hoạch vốn đã giao.

(4). Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho các dự án cấp bách, bức xúc dân sinh; dự án bổ sung vốn để hoàn thành trong năm 2021; dự án chuyển tiếp bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và dự án mới có khả năng thực hiện và giải ngân tốt trong năm 2021.

Các dự án mới phải đủ thủ tục theo quy định và phải nằm trong danh mục dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua.

Các dự án thuộc nhiệm vụ chi cấp huyện phải là các dự án đủ thủ tục, dự kiến thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia; Chương trình hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã thực hiện một số mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, giai đoạn 2021-2025 và ưu tiên bố trí vốn thực hiện dự án giải quyết vấn đề an sinh xã hội, dân sinh bức xúc trên địa bàn, bao gồm các lĩnh vực: (1) Xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia; (2) Xây dựng, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa lịch sử; nhà văn hóa thôn (còn thiếu theo Chương trình 04/CTr-TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy); (3) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng đối với địa phương bị thu hồi đất phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm quốc gia, Thành phố và bị ảnh hưởng bởi các dự án xây dựng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố; (4) Xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội.

4. Phương án điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021

4.1. Phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư dự án cấp Thành phố

4.1.1. Điều chỉnh kế hoạch vốn các dự án XD CB tập trung với số vốn

giảm 746.000 triệu đồng, trong đó:

(1) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 3.253.889 triệu đồng của 56 dự án, cụ thể:

- Giảm 3.183.889 triệu đồng của 55 dự án XDCB tập trung cấp Thành phố.
- Giảm 70.000 triệu đồng của 01 dự án đầu tư theo cơ chế đặc thù sử dụng nguồn thu từ đất.

(2) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 2.507.889 triệu đồng của 68 dự án, cụ thể:

- Tăng 2.492.889 triệu đồng của 67 dự án XDCB tập trung cấp Thành phố:
- + Tăng 1.577.389 triệu đồng của 37 dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án.

+ Tăng 915.500 triệu đồng của 28 dự án khởi công mới trong các tháng cuối năm 2021 và 03 dự án bố trí vốn để lập dự toán, thiết kế bản vẽ thi công; trong 28 dự án bố trí vốn khởi công mới có 12 dự án thủy lợi mang tính chất khẩn cấp nhu cầu vốn bố trí là 343.500 triệu đồng.

- Tăng 15.000 triệu đồng của 01 dự án đầu tư được triển khai xây dựng bằng nguồn vốn huy động, đóng góp từ Công ty TNHH Phát triển THT (Công ty THT đã chuyển tổng cộng 15.478.765,99 USD vào Kho bạc Nhà nước Hà Nội (tương đương hơn 305.000 triệu đồng; đến nay đã giải ngân cho các tuyến đường vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây là 103.320 triệu đồng, còn hơn 202.000 triệu đồng chưa giải ngân).

* Trong 68 dự án đề xuất bố trí vốn bổ sung nêu trên, có 13 dự án chưa đảm bảo quy định về thủ tục bố trí vốn, nhưng để tạo điều kiện về vốn cho dự án được triển khai ngay sau khi hoàn thiện thủ tục, UBND Thành phố kính báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố:

**** Với 01 dự án chuyển tiếp** “Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ (bờ hữu từ cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân và bờ tả từ cầu Tân Dân đến cầu cống Thận) thuộc huyện Phú Xuyên”: chưa được bố trí vốn đầu năm 2021 do thời gian thực hiện dự án chưa đảm bảo), đang hoàn thiện thủ tục điều chỉnh, đề xuất bổ sung vốn để hoàn thành dự án trong năm 2021 (UBND Thành phố đã có văn bản số 2097/UBND-KT ngày 02/7/2021 đồng ý chủ trương điều chỉnh dự án); đề xuất bổ sung vốn để hoàn thành dự án. Sẽ chỉ thực hiện giải ngân vốn khi dự án đã hoàn chỉnh thủ tục theo quy định.

**** Nhóm 12 dự án đề điều đề nghị bố trí vốn năm 2021 là 343.500 triệu đồng mang tính chất cấp bách**

Đối với 12 dự án mới cấp bách có tổng mức đầu tư là 387.581 triệu đồng, đề xuất bố trí vốn là 343.500 triệu đồng: chưa thực sự phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan về việc ủy quyền và hình thức phê duyệt dự án, cụ thể:

- Về việc ủy quyền phê duyệt dự án: Các Quyết định phê duyệt dự án do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký duyệt theo ủy quyền tại Công văn số 1200/UBND-KT ngày 26/3/2019 của UBND Thành phố về hướng dẫn trình tự thực hiện đầu tư xây dựng xử lý sự cố hư hỏng công trình đê điều,

thủy lợi khẩn cấp, có tính chất cấp bách (trong Công văn nêu: “*Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án xử lý cấp bách, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán*”)¹. Cần phải xem xét sự phù hợp của nội dung ủy quyền tại Công văn số 1200/UBND-KT ngày 26/3/2019 với các quy định pháp luật hiện hành về ủy quyền, về thẩm quyền chung và thẩm quyền riêng.

- Về việc phê duyệt dự án:

Đối với các dự án khẩn cấp được phê duyệt sau ngày Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng có hiệu lực (ngày 03/3/2021): Hiện nay, các Quyết định phê duyệt dự án của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở các Quyết định công bố tình trạng khẩn cấp của UBND Thành phố, không phải của Chủ tịch UBND Thành phố và chưa có văn bản ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp. (Tại Điều 58, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP quy định: “1. Chủ tịch UBND các cấp có thẩm quyền quyết định việc xây dựng công trình khẩn cấp thuộc phạm vi quản lý bằng lệnh xây dựng công trình khẩn cấp. 2. Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp được thể hiện bằng văn bản gồm các nội dung: mục đích xây dựng, địa điểm xây dựng, người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình, thời gian xây dựng công trình, dự kiến chi phí và nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan.”). Cần phải xem xét sự phù hợp về thủ tục đầu tư của các Dự án khẩn cấp nêu trên với quy định pháp luật hiện hành về xây dựng công trình khẩn cấp.

Nếu được HĐND Thành phố chấp thuận, cho phép bố trí vốn cho 12 dự án đề điều, thủy lợi có tính chất cấp bách là 343.500 triệu đồng từ nguồn vốn điều chỉnh giảm của các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố tại phương án điều chỉnh nêu trên. Trước khi làm thủ tục thanh toán, UBND Thành phố sẽ giao các đơn vị liên quan phải hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục đảm bảo theo quy định.

4.1.2. Hiệu chỉnh tên chủ đầu tư được giao kế hoạch vốn tại Quyết định 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 (01 dự án):

Dự án *Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K20+700 đến K20+950 và từ K21+200 đến K21+500 đê hữu Hồng thuộc xã Chu Minh, huyện Ba Vì*: Hiệu chỉnh tên Chủ đầu tư được giao kế hoạch vốn năm 2021 từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang UBND huyện Ba Vì theo đúng Quyết định phê duyệt dự án.

(Phương án tổng thể tại Phụ lục 1; chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)

¹ Người ký Công văn số 1200/UBND-KT là Phó Chủ tịch UBND Thành phố ký thay Chủ tịch thay mặt UBND Thành phố - là thẩm quyền chung, trách nhiệm tập thể; trong khi Chủ tịch UBND Thành phố là thẩm quyền riêng, trách nhiệm cá nhân.

4.2. Hỗ trợ thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

4.2.1. Hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020 với tổng mức đầu tư là 2.249.000 triệu đồng sử dụng vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ. Ngân sách Thành phố đã bố trí 1.225.000 triệu đồng trong các năm 2016-2020, Kế hoạch đầu năm 2021 bố trí tiếp 500.000 triệu đồng. Số vốn còn thiếu theo Kế hoạch 138/KH-UBND đã duyệt là 494.000 triệu đồng và tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 120/2020/NQ14 của Quốc hội và Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ tình hình triển khai các dự án, báo cáo của UBND các huyện Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ và Mỹ Đức và của Ban Dân tộc Thành phố đề xuất nhu cầu điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện 33 dự án trong năm 2021 là 243.000 triệu đồng, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm vốn 17.500 triệu đồng của 02 dự án.
- Điều chỉnh tăng 260.500 triệu đồng cho 31 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm).

4.2.2. Hỗ trợ để thực hiện hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2021

Thực hiện Thông báo số 2588-TB/TU ngày 12/5/2020 của Thành ủy về Kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình số 02 của Thành ủy tại Hội nghị giao ban 4 tháng đầu năm 2020, Thành phố đã ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã còn lại để đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, về đích trong giai đoạn 2020-2021. Năm 2020 đã có thêm 13 xã hoàn thành, hiện còn 14 xã phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2021 của huyện Ba Vì, Mỹ Đức và hỗ trợ huyện Phú Xuyên, Ứng Hòa hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới.

a) Đề xuất của các huyện:

(1). Huyện Ba Vì

Tại Tờ trình số 1066/TTr-UBND ngày 13/5/2021 và số 1568/TTr-UBND ngày 30/6/2021 của UBND huyện Ba Vì, năm 2021 cân đối ngân sách Huyện khó khăn, không có khả năng bố trí vốn hoàn thành các dự án đang triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Để tạo điều kiện thuận lợi cho 9 xã còn lại của Huyện đạt chuẩn NTM, góp phần đảm bảo 100% xã thuộc huyện Ba Vì đạt chuẩn NTM năm 2021, không còn nợ đọng XDCB trong xây dựng NTM, đề

ng nghị xem xét hỗ trợ phần kinh phí đối ứng thuộc ngân sách huyện, ngân sách xã với số tiền là 329.570 triệu đồng, trong đó:

- Theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố về cập nhật điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016-2020 của cấp Thành phố: Tổng mức đầu tư là 980.608 triệu đồng; Ngân sách Thành phố đã hỗ trợ là 837.400 triệu đồng; Ngân sách Huyện phải đối ứng là 143.208 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2020-2021: Tổng mức đầu tư là 778.672 triệu đồng; Ngân sách Thành phố đã hỗ trợ là 592.310 triệu đồng; Ngân sách huyện và Ngân sách xã phải đối ứng là 186.362 triệu đồng.

(2). Huyện Mỹ Đức

Tại Báo cáo số 257/BC-UBND ngày 11/6/2021 của UBND huyện Mỹ Đức, năm 2021 cân đối ngân sách Huyện khó khăn, không có khả năng bố trí vốn hoàn thành các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM đang triển khai. Huyện đề nghị Thành phố xem xét, hỗ trợ bổ sung 349.711 triệu đồng cho các dự án lĩnh vực giao thông, thủy lợi (đã cơ bản hoàn thành, có thể giải ngân hết số vốn đã giao đầu năm và số vốn bổ sung - nếu có) và lĩnh vực giáo dục (đang triển khai thực hiện và giải ngân theo số vốn đã giao, không chắc chắn có thể giải ngân hết số vốn nếu được bổ sung). Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020-2021 không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản và sử dụng hiệu quả nguồn vốn Thành phố hỗ trợ, đề nghị xem xét nhu cầu hỗ trợ bổ sung 170.477 triệu đồng cho các dự án lĩnh vực giao thông, thủy lợi (phần ngân sách Thành phố hỗ trợ theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội).

(3). Huyện Phú Xuyên

- Tại Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 15/6/2021, UBND huyện Phú Xuyên đề nghị Thành phố hỗ trợ xây dựng Nhà thi đấu thể thao huyện Phú Xuyên để đạt tiêu chí Huyện nông thôn mới, Tổng mức đầu tư dự án là 88.870 triệu đồng, Huyện đề nghị hỗ trợ 30.000 triệu đồng năm 2021.

- Tại Tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 09/7/2021, UBND huyện Phú Xuyên báo cáo 388 dự án thiếu kinh phí để hoàn thành tất toán dự án (dự án đã cơ bản hoàn thành chờ quyết toán). Năm 2021 cân đối ngân sách Huyện khó khăn, không có khả năng bố trí vốn hoàn thành các dự án xây dựng hạ tầng của các xã thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Huyện đề nghị Thành phố xem xét, hỗ trợ bổ sung 614.356 triệu đồng để tạo điều kiện thuận lợi cho Huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 và không còn nợ đọng xây dựng

cơ bản, tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao, tiến tới xây dựng huyện Phú Xuyên thành một khu vực phát triển phía Nam của Thành phố.

(4). UBND huyện Ứng Hòa

Tại Văn bản số 906/CV-UBND ngày 23/6/2021, UBND huyện Ứng Hòa đề nghị Thành phố hỗ trợ *xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao huyện Ứng Hòa* để đạt tiêu chí Huyện nông thôn mới, Tổng mức đầu tư dự án là 98.650 triệu đồng, Huyện đề nghị hỗ trợ 50.000 triệu đồng năm 2021.

b). Đề xuất ngân sách Thành phố hỗ trợ

Trên cơ sở rà soát, cân đối nguồn lực của Thành phố, đề nghị xem xét hỗ trợ bổ sung vốn năm 2021 cho 04 huyện Ba Vì, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Ứng Hòa với tỷ lệ khoảng 65% nhu cầu đề xuất đối với khoản kinh phí giải ngânheets trong năm 2021, tổng cộng 823.000 triệu đồng để thanh toán dự án hoàn thành và xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, trong đó hỗ trợ huyện Ba Vì là 253.000 triệu đồng, hỗ trợ huyện Mỹ Đức là 120.000 triệu đồng, hỗ trợ huyện Phú Xuyên là 400.000 triệu đồng, hỗ trợ huyện Ứng Hòa là 50.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 3 đính kèm)

Tổng nhu cầu vốn bổ sung cho các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là 1.066.000 triệu đồng. Nguồn vốn bố trí đáp ứng nhiệm vụ này từ dự toán đầu năm chưa phân bổ thực hiện Chương trình phát triển kinh tế dân tộc miền núi là 170.000 triệu đồng, từ nguồn vốn điều chỉnh giảm kế hoạch vốn dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố 631.000 triệu đồng, số vốn còn thiếu 265.000 triệu đồng đề xuất bổ sung từ điều chỉnh giảm dự toán năm 2021 nhiệm vụ Giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng đấu giá các khu đất đấu giá của Thành phố đến nay chưa sử dụng.

4.3. Hỗ trợ các huyện, thị xã xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện Chương trình hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã thực hiện một số mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, giai đoạn 2021-2025 và giải quyết vấn đề an sinh xã hội, dân sinh bức xúc trên địa bàn, ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí xây lắp và thiết bị đối với dự án thuộc Chương trình triển khai trong giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

Điều chỉnh, hỗ trợ bổ sung 2.372.000 triệu đồng cho 184 dự án, trong đó:

- Phân loại theo điều chỉnh tăng, giảm:

+ Điều chỉnh giảm 174.500 triệu đồng của 17 dự án

+ Điều chỉnh tăng 2.546.500 triệu đồng cho 167 dự án

- Phân loại theo lĩnh vực:
- + Xây dựng trường học đạt chuẩn: 802.800 triệu đồng cho 64 dự án.
- + Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử cho 04 dự án và hỗ trợ 31 dự án xây dựng nhà văn hóa thôn còn thiếu theo Chương trình 04/CTr-TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy: 125.500 triệu đồng.
- + Xây dựng hệ thống xử lý nước thải và hỗ trợ đầu tư vùng ảnh hưởng bởi các dự án xây dựng bãi rác thải, nghĩa trang tập trung của Thành phố: 270.300 triệu đồng cho 17 dự án.
- + Xây dựng hạ tầng kinh tế (đường giao thông kết nối, kênh mương thủy lợi phục vụ tưới tiêu, phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn...): 1.173.400 triệu đồng cho 68 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm)

Tổng nhu cầu vốn bổ sung cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện đề nghị Thành phố hỗ trợ có mục tiêu là 2.372.000 triệu đồng. Nguồn vốn bố trí đáp ứng nhiệm vụ này từ dự toán ngân sách Thành phố đầu năm 2021 đã cân đối hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện 2.372.000 triệu đồng.

Như vậy, phương án điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2021 của Thành phố cơ bản đáp ứng nhu cầu đề xuất bố trí vốn thực hiện các dự án của các chủ đầu tư, đảm bảo tổng nguồn vốn đầu tư công của Thành phố và tuân thủ nguyên tắc điều chỉnh, quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước. Sau phương án điều chỉnh kế hoạch năm 2021, nguồn vốn còn lại của cấp Thành phố còn có thể sử dụng để tiếp tục phân bổ cho các nhiệm vụ, dự án là 3.529.327 triệu đồng (bao gồm 344,327 tỷ đồng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ) - Chi tiết tại Phụ lục 1.

III. PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CÁC QUẬN HỖ TRỢ CÁC HUYỆN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 115/2020/QH14 NGÀY 19/6/2020 CỦA QUỐC HỘI.

Thực hiện Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về cơ chế tài chính đặc thù cho thành phố Hà Nội, trong đó có nội dung cho phép các quận sử dụng ngân sách cấp quận để hỗ trợ các huyện khó khăn của Thành phố trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Trên cơ sở rà soát báo cáo của các quận về xác nhận nguồn vốn hỗ trợ phù hợp với quy định, báo cáo của các huyện về cam kết khả năng thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021, tổng kinh phí 06 quận hỗ trợ 08 huyện là 370.000 triệu đồng thực hiện 18 dự án. Cụ thể các lĩnh vực hỗ trợ như sau:

- Lĩnh vực giáo dục: 358.000 triệu đồng cho 12 dự án trường học.
- Lĩnh vực văn hóa: 9.400 triệu đồng cho 05 dự án.
- Lĩnh vực y tế: 2.600 triệu đồng cho 01 dự án trạm y tế.

(Chi tiết tại Phụ lục 5 đính kèm).

Theo báo cáo của các quận, nguồn vốn hỗ trợ cho các huyện năm 2021 là nguồn tăng thu, kết dư ngân sách quận năm 2020 và nguồn điều chỉnh kế hoạch 2021 (đầu năm 2021 đã giao kế hoạch, tuy nhiên nay rà soát, một số nhiệm vụ, dự án không thể thực hiện theo dự toán đã giao nên điều chỉnh). Hiện nay, đã có 03 quận: Long Biên, Hoàng Mai, Hoàn Kiếm đã có Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách quận năm 2020; quận Hà Đông đã có Dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách quận năm 2020. Đối với 02 quận Tây Hồ và Bắc Từ Liêm, các nguồn này UBND quận đã rà soát, tính toán nhưng chưa được HĐND cấp quận thông qua. Để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan, nếu được HĐND Thành phố thông qua cơ chế cho phép các quận hỗ trợ các huyện tại kỳ họp tháng 9/2021, UBND Thành phố giao UBND 02 quận Tây Hồ và Bắc Từ Liêm báo cáo HĐND cấp quận thông qua làm cơ sở quyết định hỗ trợ cho các huyện và chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về việc sử dụng ngân sách cấp quận hỗ trợ cho các huyện theo quy định hiện hành.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đối với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ mục tiêu cho Thành phố, kính đề nghị HĐND Thành phố cho phép UBND Thành phố thực hiện phân bổ chi tiết mức vốn theo quyết định giao kế hoạch vốn năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ cho Thành phố.

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KTNS-HĐND Thành phố;
- Sở KH&ĐT;
- VPUB: CVP, các PCVP, KT, TH;
- Lưu: VT.

39493- 45



Phụ lục 1

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 229 /BC-UBND ngày 06 /9/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số DA	Nguồn vốn/ KH đã giao năm 2021	Phương án sử dụng nguồn/ PA điều chỉnh	Nguồn vốn còn lại/KH 2021 sau điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4+5	7
I	PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ					
I.1	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN (phần vốn chưa phân bổ và chưa sử dụng)		6.221.327	-2.692.000	3.529.327	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, thanh quyết toán dự án hoàn thành		250.000		250.000	Giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt.
2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu		344.327		344.327	Dự án chưa đủ thủ tục để bố trí vốn, giải ngân theo quy định
3	Nguồn vốn thực hiện GPMB theo cơ chế thanh toán linh hoạt		500.000		500.000	Giải ngân theo cơ chế thanh toán linh hoạt.
4	Bố trí vốn thực hiện GPMB, xây dựng hạ tầng đấu giá các khu đất đấu giá của cấp Thành phố		1.035.000	-150.000	885.000	- Bổ sung 500 tỷ đồng cho NH Chính sách XH TP Hà Nội cho vay giải quyết việc làm (QĐ số 4029/QĐ- UBND ngày 26/8/2021 của UBND Thành phố) và bố trí 65 tỷ đồng cho dự án Cải tạo, nâng cấp Hệ thống khí y tế tại các bệnh viện (Tờ trình số 27/TTrLN: KHĐT-TC ngày 31/8/2021). Nguồn vốn: 465 tỷ đồng từ tổng nguồn 1.500 tỷ đồng GPMB, XDHT đấu giá các khu đất đấu giá và 100 tỷ đồng trong dự toán 150 tỷ đồng Đầu tư, hỗ trợ DN, đầu tư trở lại từ tiền nhà đất và các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất
5	Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà đất và các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất		50.000		50.000	
6	Vốn thực hiện chương trình phát triển kinh tế dân tộc miền núi		170.000	-170.000		Sử dụng nguồn vốn để bố trí cho dự án đủ thủ tục
7	Vốn hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện		2.372.000	-2.372.000		Sử dụng nguồn vốn để bố trí cho dự án đủ thủ tục
8	Nguồn vốn hoàn trả Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố		1.000.000		1.000.000	
9	Hỗ trợ địa phương bạn, hỗ trợ ngành dọc		500.000		500.000	

STT	Nội dung	Số DA	Nguồn vốn/ KH đã giao năm 2021	Phương án sử dụng nguồn/ PA điều chỉnh	Nguồn vốn còn lại/KH 2021 sau điều chỉnh	Ghi chú
1.2	PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH	346	10.509.087	2.692.000	13.201.087	
1	Các dự án vốn Ngân sách cấp Thành phố	124	9.874.087	-746.000	9.128.087	
	<i>Tổng điều chỉnh giảm</i>	<i>56</i>	<i>8.379.612</i>	<i>-3.253.889</i>	<i>5.125.723</i>	
	<i>Tổng điều chỉnh tăng</i>	<i>68</i>	<i>1.494.475</i>	<i>2.507.889</i>	<i>4.002.364</i>	
1.1	Dự án đầu tư XD CB tập trung	122	9.774.087	-691.000	9.083.087	Phụ lục 2
	Điều chỉnh giảm	55	8.279.612	-3.183.889	5.095.723	
	Điều chỉnh tăng	67	1.494.475	2.492.889	3.987.364	
1.2	Dự án đầu tư theo cơ chế đặc thù sử dụng nguồn thu từ đất	1		-70.000	-70.000	
	Điều chỉnh giảm	1	100.000	-70.000	30.000	
1.3	Dự án đầu tư của Thành phố được triển khai bằng nguồn vốn huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân	1		15.000	15.000	
	Điều chỉnh tăng	1		15.000	15.000	
2	Hỗ trợ thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia	38	35.500	1.066.000	1.101.500	Phụ lục 3
2.1	Chương trình phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Thủ đô	33	35.500	243.000	278.500	
2.2	Thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới	5		823.000	823.000	
3	Hỗ trợ các huyện, thị xã xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế-xã hội	184	599.500	2.372.000	2.971.500	Phụ lục 4
	Điều chỉnh giảm	17	514.500	-174.500	340.000	
	Điều chỉnh tăng	167	85.000	2.546.500	2.631.500	
II	NGÂN SÁCH CÁC QUẬN HỖ TRỢ CÁC HUYỆN	18		370.000		Phụ lục 5

Phụ lục 2

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2021 CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số 229 /BC-UBND ngày 06/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chức đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMBT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
	TỔNG CỘNG	10	75	39				91.864.201	20.482.302	371.439	116.539	9.874.087	1.513.707	9.136.183	-746.000	9.128.087	46		
	<i>Tổng điều chỉnh giảm</i>	<i>6</i>	<i>38</i>	<i>12</i>				<i>66.546.880</i>	<i>11.804.741</i>	<i>290.528</i>	<i>65.580</i>	<i>8.379.612</i>	<i>501.672</i>	<i>5.125.723</i>	<i>-3.253.889</i>	<i>5.125.723</i>	<i>7</i>		
	<i>Tổng điều chỉnh tăng</i>	<i>4</i>	<i>37</i>	<i>27</i>				<i>25.317.321</i>	<i>8.677.561</i>	<i>80.911</i>	<i>50.959</i>	<i>1.494.475</i>	<i>1.012.035</i>	<i>4.010.460</i>	<i>2.507.889</i>	<i>4.002.364</i>	<i>39</i>		
A	CÁC DA XDCB TẬP TRUNG	10	74	38				90.466.182	19.624.135	366.659	116.539	9.774.087	1.496.631	9.091.183	-691.000	9.083.087	46		
	<i>Tổng điều chỉnh giảm</i>	<i>6</i>	<i>37</i>	<i>12</i>				<i>65.208.889</i>	<i>10.956.757</i>	<i>285.748</i>	<i>65.580</i>	<i>8.279.612</i>	<i>484.596</i>	<i>5.095.723</i>	<i>-3.183.889</i>	<i>5.095.723</i>	<i>7</i>		
	<i>Tổng điều chỉnh tăng, trong đó:</i>	<i>4</i>	<i>37</i>	<i>26</i>				<i>25.257.293</i>	<i>8.667.378</i>	<i>80.911</i>	<i>50.959</i>	<i>1.494.475</i>	<i>1.012.035</i>	<i>3.995.460</i>	<i>2.492.889</i>	<i>3.987.364</i>	<i>39</i>		
-	<i>Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án</i>	<i>4</i>	<i>28</i>	<i>5</i>				<i>21.548.430</i>	<i>8.667.022</i>	<i>80.911</i>	<i>50.959</i>	<i>1.494.475</i>	<i>1.012.035</i>	<i>3.079.364</i>	<i>1.577.389</i>	<i>3.071.864</i>	<i>22</i>		
-	<i>Dự án khởi công mới</i>		<i>9</i>	<i>21</i>				<i>3.708.863</i>	<i>356</i>					<i>916.096</i>	<i>915.500</i>	<i>915.500</i>	<i>17</i>		
I	Lĩnh vực an ninh		2	6				715.705	370.927	15.020		126.000	8.428	217.000	83.500	209.500	5		
1.2	Dự án điều chỉnh tăng		2	6				715.705	370.927	15.020		126.000	8.428	217.000	83.500	209.500	5		
1.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án		2	1				658.771	370.927	15.020		126.000	8.428	186.000	52.500	178.500	3		
1	Xây dựng Trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy số 8 (Hoàng Mai) thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Hoàng Mai	2018-2022	5559/QĐ-UBND 17/10/2018; 2953/QĐ-UBND 05/7/2021	38.841	19.889					6.000	6.000	6.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	Thanh toán khối lượng hoàn thành theo tiến độ
2	Xây dựng lại nhà B Công an thành phố Hà Nội		1		Hoàn Kiếm	2018-2021	5209/QĐ-UBND 28/9/2018; 588/QĐ-UBND 01/02/2021	173.157	113.887	7.171		26.000	1.339	34.000	8.000	34.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Đầu tư mua sắm trang thiết bị PCCC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Hà Nội		1		Hà Nội	2020-2021	5968/QĐ-UBND 31/10/2018	446.773	237.151	7.849		100.000	7.089	146.000	38.500	138.500	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	Theo tiến độ thực hiện mua sắm trang thiết bị
1.2.2	Dự án khởi công mới			5				56.934						31.000	31.000	31.000	2		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an Phường Sài Đồng, quận Long Biên thuộc Công an Thành phố			1	Long Biên	2020-2022	2207/QĐ-UBND 18/5/2021	8.037						7.000	7.000	7.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	khởi công mới
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an Phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây thuộc Công an Thành phố			1	Sơn Tây	2020-2022	718/QĐ-UBND 09/2/2021	6.328						5.500	5.500	5.500	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	khởi công mới
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an Phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai thuộc Công an Thành phố			1	Hoàng Mai	2019-2022	1931/QĐ-UBND 29/4/2021	18.233						7.000	7.000	7.000		BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	khởi công mới
4	Xây dựng trụ sở làm việc Công an Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai thuộc Công an Thành phố			1	Hoàng Mai	2020-2022	120/QĐ-UBND 11/01/2021	13.975						6.500	6.500	6.500		BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	khởi công mới
5	Xây dựng trụ sở làm việc Công an Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông thuộc Công an Thành phố			1	Hà Đông	2020-2022	595/QĐ-UBND 02/02/2021	10.361						5.000	5.000	5.000		BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	khởi công mới; NSTP 50%; NS quân 50%
II	Lĩnh vực quốc phòng		2					612.076	117.587	1.412	1.000	120.000	23.149	105.000	-15.000	105.000			
II.1	Dự án điều chỉnh giảm		1					162.076	587	412		70.000	3.311	35.000	-35.000	35.000			
1	Mua sắm phương tiện trang bị, công cụ hỗ trợ phòng, chống khủng bố và làm nhiệm vụ A2		1		Nam Từ Liêm	2020-2021	2759/QĐ-BQP 05/9/2020	162.076	587	412		70.000	3.311	35.000	-35.000	35.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	Do các trang bị nhập khẩu, đặc chung có độ mật là tối mật nên thủ tục phê duyệt tính năng chiến - kỹ thuật, dự toán trang bị kéo dài
II.2	Dự án điều chỉnh tăng		1					450.000	117.000	1.000	1.000	50.000	19.838	70.000	20.000	70.000			
II.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án		1					450.000	117.000	1.000	1.000	50.000	19.838	70.000	20.000	70.000			
1	Hầm Sờ chỉ huy A2 của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (mật danh STĐ.02)		1		Nam Từ Liêm	2020-2022	1575/QĐ-BQP 18/5/2020	450.000	117.000	1.000	1.000	50.000	19.838	70.000	20.000	70.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	Theo tiến độ thực hiện
III	Lĩnh vực y tế	1	2					1.937.911	364.805	18.331	18.217	150.000	66.415	202.310	52.310	202.310			
III.1	Dự án điều chỉnh giảm	1	1					1.253.425	267.108			100.000	16.602	32.310	-67.690	32.310			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội	1			Hà Đông	2015-2018	4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784.433	18.126			50.000		310	-49.690	310		BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	đang điều chỉnh dự án

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
2	Cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa Sơn Tây		1		Sơn Tây	2019-2021	6024/QĐ-UBND 31/10/2018	468.992	248.982			50.000	16.602	32.000	-18.000	32.000		BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	Chăm thi công do giãn cách
III.2	Dự án điều chỉnh tăng		1					684.486	97.697	18.331	18.217	50.000	49.813	170.000	120.000	170.000			
III.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án		1					684.486	97.697	18.331	18.217	50.000	49.813	170.000	120.000	170.000			
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (giai đoạn 1)		1		Thường Tín	2012-2021	6745/QĐ-UBND 22/11/2019	684.486	97.697	18.331	18.217	50.000	49.813	170.000	120.000	170.000		BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	Theo tiến độ thực hiện
III.2.2	Dự án khởi công mới																		
IV	Lĩnh vực văn hóa thể thao	1	2					2.250.038	304.970	40.263	12.699	305.300	43.807	389.000	83.700	389.000	1		
IV.1	Dự án điều chỉnh giảm		2					873.573	289.500	35.325	12.699	205.300	41.013	39.000	-166.300	39.000	1		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)		1		Nam Từ Liêm	2016-2021	5099/QĐ-UBND 07/11/2012; 1207/QĐ-UBND 25/3/2020	771.984	287.490	778	41	150.300	596	2.000	-148.300	2.000		Bảo tàng Hà Nội	CĐT và tư vấn triển khai dự án chậm
2	Cải tạo, nâng cấp công trình Sân Điện kinh ngoài trời và hạ tầng kỹ thuật khuôn viên trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội phục vụ Sea Games 31 và Para Games 11 năm 2021.		1		Nam Từ Liêm	2020-2021	2990/QĐ-UBND 06/7/2020	101.589	2.010	34.547	12.658	55.000	40.417	37.000	-18.000	37.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	Dự toán giảm so với dự kiến TMDT
IV.2	Dự án điều chỉnh tăng	1						1.376.465	15.470	4.938		100.000	2.794	350.000	250.000	350.000			
IV.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án	1						1.376.465	15.470	4.938		100.000	2.794	350.000	250.000	350.000			
1	Công trình trọng điểm 2016 - 2020: Cung Thiếu nhi Hà Nội	1			Cầu Giấy	2020-2024	4493/QĐ-UBND 29/8/2014, 4608/QĐ-UBND 14/10/2020	1.376.465	15.470	4.938		100.000	2.794	350.000	250.000	350.000		BQLDA ĐTXDCT văn hóa xã hội	Đề ứng 03 gói thầu trị giá khoảng 1.100 tỷ vào tháng 9/2021 và thanh toán khối lượng hoàn thành.
V	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo		5	2				891.659	160.327			170.050	26.521	169.194	-856	169.194	4		
V.1	Dự án điều chỉnh giảm		2					598.860				121.050		69.194	-51.856	69.194			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
1	Dự án thành phần 5 - Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội thuộc dự án "Tăng cường lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp" sử dụng vốn vay ODA của Chính Phủ Nhật Bản		1		Đồng Đa	2020-2022	1432/QĐ-TTg 21/9/2017; 1542/QĐ-LĐTBXH 06/11/2018; 5544/QĐ-UBND 07/10/2019	289.752				58.244		33.504	-24.740	33.504		Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	Do hiện nay Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chưa thực hiện các thủ tục ký hiệp định vay, nên đến nay các dự án thành phần chưa giải ngân được, dự kiến không thể ký HĐ vay trong năm nay
	ODA Cấp phát							223.336				33.504		33.504		33.504			
	ODA Vay lại							24.818											
	Vốn trong nước (NSTP)							41.598				24.740			-24.740				
2	Dự án thành phần 4 - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội thuộc dự án "Tăng cường lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp" sử dụng vốn vay ODA của Chính Phủ Nhật Bản		1		Hà Nội	2020-2022	1432/QĐ-TTg 21/9/2017; 1542/QĐ-LĐTBXH 06/11/2018; 5545/QĐ-UBND 07/10/2019	309.108				62.806		35.690	-27.116	35.690		Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	Do hiện nay Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chưa thực hiện các thủ tục ký hiệp định vay, nên đến nay các dự án thành phần chưa giải ngân được, dự kiến không thể ký HĐ vay trong năm nay
	ODA Cấp phát							237.933				35.690		35.690		35.690			
	ODA Vay lại							26.437											
	Vốn trong nước (NSTP)							44.738				27.116			-27.116				
V.2	Dự án điều chỉnh tăng		3	2				292.799	160.327			49.000	26.521	100.000	51.000	100.000	4		
V.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án		3	1				265.395	159.971			49.000	26.521	90.000	41.000	90.000	4		
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Mê Linh, huyện Mê Linh		1		Mê Linh	2019-2021	6110/QĐ-UBND 31/10/2019	89.050	40.817			34.000	23.921	43.000	9.000	43.000	1	UBND huyện Mê Linh	ĐA đang đẩy nhanh tiến độ, dự kiến hoàn thành T9/2021.
2	Xây dựng, mở rộng trường THPT Phùng Khắc Khoan		1		Thạch Thất	2019-2021	5930/QĐ-UBND 31/10/2018, 42/QĐ-UBND 05/01/2021	55.900	40.622					12.000	12.000	12.000	1	UBND huyện Thạch Thất	Để hoàn thành dự án và bàn giao đưa vào sử dụng. Chưa giao KH vốn đầu năm 2021 vì chưa có QĐ điều chỉnh thời gian thực hiện DA.
3	Xây dựng trường THPT Minh Hà		1		Thạch Thất	2019-2021	5929/QĐ-UBND 31/10/2018; 41/QĐ-UBND 05/01/2021	75.545	55.232					15.000	15.000	15.000	1	UBND huyện Thạch Thất	Để hoàn thành dự án và bàn giao đưa vào sử dụng. Chưa giao KH vốn đầu năm 2021 vì chưa có QĐ điều chỉnh thời gian thực hiện DA.
4	Xây dựng, mở rộng trường THPT Kim Anh, huyện Sóc Sơn			1	Sóc Sơn	2020-2021	6117/QĐ-UBND 31/10/2019	44.900	23.300			15.000	2.600	20.000	5.000	20.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Để hoàn thành dự án và bàn giao đưa vào sử dụng
V.2.2	Dự án khởi công mới			1				27.404	356					10.000	10.000	10.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
1	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non B			1	Hoàn Kiếm	2020-2021	217/QĐ-UBND 13/01/2021	27.404	356					10.000	10.000	10.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	Bổ trí vốn khởi công dự án. Dự án nhóm C được phê duyệt chủ trương đầu tư tại QĐ số 2545/QĐ-UBND ngày 23/5/2018
VI	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	2						17.695.878	2.483.949	24.370		2.270.000	32.975	2.106.297	-163.703	2.106.297			
VI.1	Dự án điều chỉnh giảm	2						17.695.878	2.483.949	24.370		2.270.000	32.975	2.106.297	-163.703	2.106.297			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá thành phố Hà Nội	1			Thanh Trì	2014-2022	7051/QĐ-UBND 20/11/2013	16.293.444	2.087.189	705		2.170.000	32.378	2.100.000	-70.000	2.100.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Do ảnh hưởng Covid 19 về chuyên gia nước ngoài
	ODA Cấp phát							13.709.042	1.650.824			2.000.000	10.451	2.000.000		2.000.000			
	ODA Vay lại																		
	Vốn trong nước (NSTP)							2.584.402	436.365	705		170.000	21.927	100.000	-70.000	100.000			
2	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1			Hà Nội	2015-2021	6264/QĐ-UBND 27/11/2014; 2122/QĐ-UBND 26/5/2020	1.402.434	396.760	23.665	0	100.000	597	6.297	-93.703	6.297		Sở Tài nguyên và Môi trường	Do covid-19 ảnh hưởng tiến độ thi công (khó khăn công tác kê khai, đăng ký đất đai tại các phường, xã). Đang trình UBND TP điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án.
VII	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước		3					2.026.918	355.487	900		280.000	22.051	190.000	-90.000	190.000	1		
VII.1	Dự án điều chỉnh giảm		2					1.729.138	130.416	614		265.000	10.798	140.000	-125.000	140.000			
1	Hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2019-2021	6120/QĐ-UBND 31/10/2019	817.629	40.944	389		115.000	5.521	65.000	-50.000	65.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Vướng mắc GPMB
2	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trách, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-2022	6000/QĐ-UBND 31/10/2018; 3055/QĐ-UBND 9/7/2020	911.509	89.472	225		150.000	5.277	75.000	-75.000	75.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Vướng mắc GPMB
VII.2	Dự án điều chỉnh tăng		1					297.780	225.071	286		15.000	11.253	50.000	35.000	50.000	1		
VII.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án		1					297.780	225.071	286		15.000	11.253	50.000	35.000	50.000	1		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMBT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Linh Quang		1		Đồng Đa	2009-2021	7357/QĐ-UBND 27/12/2019; 5307/QĐ-UBND 27/11/2020	297.780	225.071	286		15.000	11.253	50.000	35.000	50.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Bổ sung vốn đủ để thanh toán cho chi phí GPMB
VIII	Lĩnh vực đề điều		1	16				722.740	123.852	42.512	42.512	51.000	37.462	434.600	383.600	434.600	16		
VIII.1	Dự án điều chỉnh giảm			2				100.043	38.000	38.000	38.000	51.000	37.462	38.600	-12.400	38.600	2		
1	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở từ bờ hữu sông Đáy khu vực dân cư xóm 8, xóm 9 đến tiếp giáp kè Hòa Chính và bờ tả sông Bùi xã Hòa Chính huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2020-2021	1633/QĐ-SNN 03/9/2020; 2099/QĐ-SNN 10/11/2020	50.106	20.000	20.000	20.000	25.000	16.948	17.300	-7.700	17.300	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Công trình đã hoàn thành, giảm nhu cầu vốn do giảm dự toán
2	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua thôn Cáp Tiến và Xóm 6-8, xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2020-2021	1632/QĐ-SNN 03/9/2020	49.937	18.000	18.000	18.000	26.000	20.514	21.300	-4.700	21.300	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Công trình đã hoàn thành, giảm nhu cầu vốn do giảm dự toán
VIII.2	Dự án điều chỉnh tăng		1	14				622.697	85.852	4.512	4.512			396.000	396.000	396.000	14		
VIII.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án			2				129.229	85.852	4.512	4.512			32.500	32.500	32.500	2		
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ các đoạn từ Tân Minh đến Hiền Giang, từ UBND xã Hiền Giang đến cầu Đen xã Khánh Hà, từ lối rẽ chùa Đầu đến cầu Đồng Quan, huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2019-2021	5940/QĐ-UBND 31/10/2018; 2146/QĐ-UBND 14/5/2021	62.166	46.988	4.512	4.512			7.500	7.500	7.500	1	UBND huyện Thường Tín	Đề hoàn thành dự án
2	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ (bờ hữu từ cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân và bờ tả từ cầu Tân Dân đến cầu cống Thẩn) thuộc huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2020	5939/QĐ-UBND 31/10/2018	67.063	38.864					25.000	25.000	25.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Đang điều chỉnh dự án, UBND TP đã có VB 2097/UBND-KT ngày 02/7/2021 đồng ý chủ trương điều chỉnh. Vốn KH 2019 kéo dài ko giải ngân được; bổ sung vốn để hoàn thành dự án
VIII.2.2	Dự án khởi công mới		1	12				493.468						363.500	363.500	363.500	12		
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ xã Ninh Sở đến xã Vạn Diễm), huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2021-2022	772/QĐ-UBND 18/02/2021	105.887						20.000	20.000	20.000		UBND huyện Thường Tín	khởi công mới
	Dự án xử lý khẩn cấp			12				387.581						343.500	343.500	343.500	12		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
1	Xử lý cấp bách sự cố sụt, sập cống xả trạm bơm tiêu Tảo Khê qua đê hữu Đáy, thuộc địa bàn xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2020-2021	113/QĐ-SNN ngày 02/02/2021	5.726						5.000	5.000	5.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Dự án xử lý cấp bách, đã triển khai thi công
2	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Đà, xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội			1	Ba Vì	2020-2021	860/QĐ-SNN 27/7/2021	7.975						6.500	6.500	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	Dự án xử lý cấp bách
3	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sụt, sạt mái kè Sơn Tây và kè Linh Chiểu đoạn qua địa phận thị xã Sơn Tây và huyện Phúc Thọ			1	TX Sơn Tây, H.Phúc Thọ	2021	847/QĐ-SNN 21/7/2021	79.200						70.000	70.000	70.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án xử lý cấp bách
4	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ tả sông Đuống tương ứng từ K2+700 Đến K3+600 thôn Đông Ngàn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh			1	Đông Anh	2020-2021	338/QĐ-SNN ngày 31/3/2021	48.844						41.000	41.000	41.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án xử lý cấp bách, đã triển khai thi công
5	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ tả sông Đáy đoạn qua địa bàn thôn Thanh Giang, xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai từ K29+600 đến K30+200 đê tả Đáy			1	Thanh Oai	2021	863/QĐ-SNN ngày 27/7/2021	13.817						11.000	11.000	11.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án xử lý cấp bách, đã triển khai thi công
6	Xử lý cấp bách sạt lở mái thượng lưu đê tả Đáy từ K61+380 đến K61+540 xã Đông Tiễn, huyện Ứng Hòa			1	Ứng Hòa	2021	862/QĐ-SNN ngày 27/7/2021	1.223						1.000	1.000	1.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
7	Xử lý cấp bách sạt lở mái đê tả Cà Lồ từ K1+800 đến K2+050 thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn			1	Sóc Sơn	2021	861/QĐ-SNN ngày 27/7/2021	9.425						8.000	8.000	8.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
8	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Bùi, sông Đáy đoạn đi qua địa bàn xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức		943/QĐ-SNN ngày 11/8/2021	35.430						32.000	32.000	32.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	Dự án xử lý cấp bách, đã triển khai thi công (Bổ sung theo chỉ đạo của UBND TP tại vb số 2554/UBND-KT ngày 06/8/2021)
9	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ		942/QĐ-SNN ngày 11/8/2021	49.143						45.000	45.000	45.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
10	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn qua địa bàn các xã: Phú Nam An, Hòa Chính, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ		939/QĐ-SNN ngày 11/8/2021	74.800						68.000	68.000	68.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
11	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn qua địa bàn xã Viên An, huyện Ứng Hòa			1	Ứng Hòa		944/QĐ-SNN ngày 11/8/2021	17.998						16.000	16.000	16.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
12	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Đông Phú, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ		938/QĐ-SNN ngày 11/8/2021	44.000						40.000	40.000	40.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
IX	Lĩnh vực thủy lợi	2	2					9.685.428	5.816.849	8.439		450.000	59.242	467.000	17.000	467.000			
IX.1	Dự án điều chỉnh giảm	1						4.253.765	3.122.427	8.439		250.000		137.000	-113.000	137.000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vi	1			Ba Vi	2011-2020	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1801/QĐ-SNN 18/10/2017	4.253.765	3.122.427	8.439		250.000		137.000	-113.000	137.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đang trình điều chỉnh DA
IX.2	Dự án điều chỉnh tăng	1	2					5.431.663	2.694.422			200.000	59.242	330.000	130.000	330.000			
IX.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án	1	2					5.431.663	2.694.422			200.000	59.242	330.000	130.000	330.000			
1	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng, huyện Mê Linh		1		Mê Linh	2014-2024	6489/QĐ-UBND 28/10/2013; 2807/QĐ-UBND 02/7/2021	454.778	6.145					5.000	5.000	5.000		BQLDA ĐTXDCT nông nghiệp và PTNT	Mới phê duyệt điều chỉnh dự án, bổ sung vốn để thiết kế BVTC-DT
2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2021-2024	5520/QĐ-UBND 24/10/2014; 2808/QĐ-UBND 02/7/2021	254.033	2.373					5.000	5.000	5.000		BQLDA ĐTXDCT nông nghiệp và PTNT	Mới phê duyệt điều chỉnh dự án, bổ sung vốn để thiết kế BVTC-DT
3	Công trình trọng điểm 2016-2020: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1			Hà Đông	2015-2022	1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND 13/02/2019; 2548/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	4.722.852	2.685.904			200.000	59.242	320.000	120.000	320.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bổ sung theo khối lượng thực tế thi công hiện trường (GPMB 100 tỷ, xây lắp 20 tỷ)
X	Lĩnh vực giao thông	4	45	10				51.681.514	8.758.446	202.198	42.111	5.471.737	997.667	4.393.782	-1.078.551	4.393.186	14		
X.1	Dự án điều chỉnh giảm	2	24	7				37.888.224	4.387.380	173.073	14.881	4.722.262	297.253	2.378.322	-2.343.940	2.378.322	3		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị TPHN số 2 đoạn Nam Thăng Long-Trần Hưng Đạo.	1			Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà	2009-2022	2054/QĐ-UBND 13/11/2008	19.555.000	416.781	11.933		850.000	10.131	842.100	-7.900	842.100		Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	Hiện dự án điều chỉnh chưa được phê duyệt, do vậy chưa có cơ sở để gia hạn Hiệp định vay (đã hết hạn từ tháng 7/2019).
	ODA Cấp phát							16.485.000	177.408			800.000		800.000		800.000			
	ODA Vay lại																		
	Vốn trong nước (NSTP). trong đó:							3.070.000	239.373	11.933		50.000	10.131	42.100	-7.900	42.100			
	- Giao BQL đường sắt đô thị Hà Nội													22.100		22.100			
	- Giao UBND quận Bắc Từ Liêm để GPMB													20.000		20.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Giao vốn trực tiếp cho Q. Bắc TL là 20 tỷ đồng (VB số 71/TPTQĐ-KHTC ngày 12/3/2021)

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
2	Dự án Hỗ trợ kỹ thuật lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để xây dựng Tuyến đường sắt đô thị số 8 thành phố Hà Nội			1	Hà Nội	2019-2021	6996/QĐ-UBND 6/12/2019	105.240	218			650		40	-610	40		Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	Đang hoàn tất thủ tục kết thúc dự án, nên không thể giải ngân hết KH được giao.
	ODA Cấp phát							90.240											
	ODA Vay lại																		
	Vốn trong nước (NSTP)							15.000	218			650		40	-610	40			
3	Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội		1		Hà Nội	2014-2022	3921/QĐ-UBND 23/7/2014; 5754/QĐ-UBND 25/10/2018; 2297/QĐ-UBND 25/5/2021	1.296.900	15.810	364		560.612		534.682	-25.930	534.682		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Mới điều chỉnh DA nên hiện mới triển khai công tác tư vấn, chưa triển khai thi công.
	ODA Cấp phát							813.934	2.976			447.422		447.422		447.422			
	ODA Vay lại							355.366	1.466			83.190		83.190		83.190			
	Vốn trong nước (NSTP)							127.600	11.368	364		30.000		4.070	-25.930	4.070			
4	Công trình trọng điểm 2016-2020: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội - Giai đoạn I	1			Đông Đa	2018-2024	5757/QĐ-UBND 25/10/2018	7.210.958	177.855			1.521.000	16.650	100.000	-1.421.000	100.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	Vướng mắc GPMB
5	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt tại nút An Dương - Đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông quận Ba đình và quận Tây hồ		1		Tây Hồ	2017-2021	3665/QĐ-UBND 19/6/2017; 3376/QĐ-UBND 24/6/2019	815.864	325.000			100.000	4.367	28.000	-72.000	28.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Phải điều chỉnh PATK theo ý kiến của Bộ NN&PTNT, điều chỉnh BCNCKT
6	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường vành đai 3,5: Đoạn từ Đại lộ Thăng Long đến QL32																		
	Xây dựng đường vành đai 3,5 (Các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500).		1		Hoài Đức	2017-2021	7586/QĐ-UBND 31/10/2017; 7105/QĐ-UBND 16/12/2019	1.355.455	785.076	26.852	2.749	100.000		56.000	-44.000	56.000		UBND huyện Hoài Đức	Vướng GPMB do khai quật khảo cổ khu vực gò Vườn Chuối
7	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - Km189)		1		Thanh Trì	2010-2022	3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017; 1951/QĐ-UBND 23/4/2019; 417/QĐ-UBND 13/8/2020; 1216/QĐ-UBND	887.735	397.264			30.000	5.158	6.000	-24.000	6.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Đề nghị điều chỉnh giảm KH2021 do vướng mắc trong công tác GPMB

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL412 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng đi Hồ Suối Hai)		1		Ba Vì	2020-2022	6067/QĐ-UBND 31/10/2019	255.000	43.344	656	154	130.000	37.480	110.000	-20.000	110.000		UBND huyện Ba Vì	-Do tuyến đường đi sát với hệ thống kênh tưới thủy lợi khi thi công phải phụ thuộc vào lịch của các mùa vụ nên ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án; GPMB một số vị trí phức tạp, liên quan đến đất thổ cư
9	Xây dựng tuyến đường vào Khu xử lý chất thải tập trung của Thành phố tại thôn Đồng Ké, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ.			1	Chương Mỹ	2015-2021	3742/QĐ-UBND 05/8/2015; 2051/QĐ-SGTVT 01/10/2015	26.865	183			20.000			-20.000			UBND huyện Chương Mỹ	Hiện tại, chưa triển khai thi công do người dân không đồng thuận
10	Cải tạo, nâng cấp đường Chi Đông - Kim Hoa, huyện Mê Linh		1		Mê Linh	2016-2021	4355/QĐ-UBND 01/9/2015; 2500/QĐ-UBND 19/8/2019	154.367	89.646	2.572		55.000		46.000	-9.000	46.000		UBND huyện Mê Linh	Đã cơ bản hoàn thành GD 1. Đang đề xuất điều chỉnh GD 2. Đề nghị giảm theo PA để xuất điều chỉnh
11	Đường giao thông trục phát triển phía đông huyện Phú Xuyên (nối tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429)		1		Phú Xuyên	2019-2021	3539/QĐ-UBND 03/7/2019	283.795	130.000			148.000	71.995	80.000	-68.000	80.000		UBND huyện Phú Xuyên	Vướng mắc trong GPMB (về đơn giá bồi thường, xác định nguồn gốc đất kéo dài, di dời công trình HTKT)
12	Dự án cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2019-2022	5482/QĐ-UBND 12/10/2018	156.156	55.000			60.000	22.234	40.000	-20.000	40.000		UBND huyện Phú Xuyên	Vướng mắc trong GPMB (về đơn giá bồi thường, xác định nguồn gốc đất kéo dài, di dời công trình HTKT)
13	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lãng), huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2019-2021	275/QĐ-UBND 14/01/2020	316.430	92.000	9.559		150.000	14.954	100.000	-50.000	100.000		UBND huyện Phú Xuyên	Vướng mắc trong GPMB (về đơn giá bồi thường, xác định nguồn gốc đất kéo dài, di dời công trình HTKT)
14	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 417 đoạn từ Km8+100 đến Km 16+600, huyện Phúc Thọ		1		Phúc Thọ	2019-2021	5250/QĐ-UBND 02/10/2018	159.661	90.000	19.454	2.427	33.000	2.378	7.000	-26.000	7.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Chi phí đền bù GPMB giảm so với dự án được duyệt sau khi lập xong hồ sơ TKBVTC
15	Dự án xây dựng đường trục chính Bắc - Nam Khu đô thị Quốc Oai kéo dài đoạn từ Km4+340,24 đến Km7+315, huyện Quốc Oai		1		Quốc Oai	2018-2021	5622/QĐ-UBND 19/10/2018; 5335/QĐ-UBND 30/11/2020	487.687	360.000	3.735		80.000	798	60.000	-20.000	60.000	1	UBND huyện Quốc Oai	Khối lượng thực tế dự kiến giảm chỉ còn 60 tỷ đồng
16	Nâng cấp, cải tạo tuyến tỉnh lộ 418 đoạn Km0-Km3, thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2019-2022	6009/QĐ-UBND 31/10/2018; 4938/QĐ-UBND 03/11/2021	76.668	36.212	4.788		55.000		24.000	-31.000	24.000		UBND thị xã Sơn Tây	Giảm do GPMB, không di chuyển được diện tích ngầm ra khỏi đường cũ
17	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Cống bắc qua sông Tích, thị xã Sơn Tây			1	Sơn Tây	2019-2022	5954/QĐ-UBND 28/10/2019	71.002	21.000	3.410	350	40.000		19.000	-21.000	19.000		UBND thị xã Sơn Tây	Chậm tiến độ GPMB, KXL dự kiến đạt 80%

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
18	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (ngã ba Hòa Lạc - ngã ba thị trấn Liên Quan)		1		Thạch Thất	201-2021	6058/QĐ-UBND 31/10/2019	385.017	107.238	12.762	3.300	70.000	3.300	43.000	-27.000	43.000		UBND huyện Thạch Thất	Do vướng GPMB nên triển khai thi công chậm hơn so với kế hoạch
19	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê (đoạn từ dốc La Pho đến Công Đồng)		1		Tây Hồ	2012-2023	574/QĐ-UBND 03/02/2009, 7079/QĐ-UBND 23/12/2015, 2986/QĐ-UBND 06/7/2020	421.764	307.187			40.000	8.050	16.000	-24.000	16.000		UBND quận Tây Hồ	Công tác GPMB còn vướng mắc do chưa có nhà TĐC cho các hộ dân dẫn đến chậm trong công tác thi công
20	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm	2017-quý IV/2020	số 2307/QĐ-UBND 17/4/2017, số 1878/QĐ-UBND ngày 18/4/2019	436.735	62.140	9.343		25.000		6.000	-19.000	6.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Do vướng mắc trong công tác GPMB (hiện 809/809PA chưa duyệt và khoảng 162 m² chưa di chuyển được; PA di chuyển ngân nổi đã thẩm định nhưng quận chưa phê duyệt)
21	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tân Lĩnh - Yên Bái đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414), huyện Ba Vì, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội		1		Ba Vì	2018-2021	5672/QĐ-UBND 23/10/2018, 5979/QĐ-UBND 29/10/2019	206.103	110.000	9.503	3.031	5.000	1.943	2.000	-3.000	2.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	Dư vốn do giảm chi phí GPMB
22	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Vân Từ (tuyến phía Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2013-2022	5064/QĐ-UBND 31/10/2011 1985/QĐ-UBND 09/5/2018, 1742/QĐ-UBND 08/10/2020	261.820	111.173	608		5.000		1.500	-3.500	1.500		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Vướng mắc GPMB (hiện còn 258/562 phương án đất ở chưa duyệt do chưa có đất tái định cư)
23	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 35 đoạn giữa tuyến (Km 4+ 469,12 đến Km 12 +733,55)		1		Sóc Sơn	2015-2021	5570/QĐ-UBND 28/10/2014, 923/QĐ-UBND 02/3/2020	197.204	35.708			25.000	120	5.000	-20.000	5.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Vướng mắc GPMB (mới phê duyệt 202/1312 phương án, chưa phê 1.010 phương án)
24	Xây dựng cầu Cương Kiên, quận Nam Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm	2019-2022	6076/QĐ-UBND 31/10/2019	175.800	15.000			20.000	548	2.000	-18.000	2.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Chưa có mặt bằng để triển khai thi công.
25	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Nội Côi, huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2020	3204/QĐ-UBND 13/6/2019	56.684	30.533			10.000	1.821	3.500	-6.500	3.500		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2021 do giảm chi phí GPMB.
26	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vào khu công nghiệp sạch Sóc Sơn			1	Sóc Sơn	2019-2022	số 875/QĐ-UBND 22/02/2021	334.099	43.102			50.000	700	5.000	-45.000	5.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Tiến độ GPMB còn chậm; Công tác xin cấp phép thi công gặp khó khăn. Hiện nay đang làm việc với Bộ GTVT thỏa thuận quy mô, giải pháp thiết kế của dự án trong phạm vi đất dành cho đường Nội Bài - Lào Cai.

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
27	Xây dựng cầu qua sông Nhuệ trên tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - Cầu Diễn và đường nối ra Quốc lộ 32			1	Nam Từ Liêm; Bắc Từ Liêm	2020-2022	số 4760/QĐ-UBND 23/10/2020	380.126	2.962			72.000	194	22.000	-50.000	22.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Hiện đang lập thiết kế BVTC-DT; Dự kiến đến cuối năm 2021 mới lựa chọn nhà thầu thi công 01/2 gói thầu xây lắp chính.
28	Xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến đường kết nối khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2020-2024	4141/QĐ-UBND 16/9/2020	570.974	2.931	3.715	2.870	100.000			-100.000			BQLDA ĐTXDCT dân dụng và CN	Vướng mắc trong công tác GPMB, do Covid không tổ chức họp với dân được.
29	Cầu đập tràn Quan Sơn, huyện Mỹ Đức		1		Mỹ Đức	2020-2022	3823/QĐ-UBND 26/8/2020	288.497	99.532	37.467		110.000	569	65.000	-45.000	65.000		UBND huyện Mỹ Đức	Điều chỉnh giảm do chậm trong công tác GPMB - do không có đường tam để lưu thông khi làm cầu; do ảnh hưởng Covid - dừng thi công công trình
30	Đường tránh tỉnh lộ 419 đi khu du lịch Chùa Hương (đoạn từ cầu Đông Bình đến bến xe Hội Xá), Hà Nội		1		Mỹ Đức	2020-2021	638/QĐ-UBND 05/02/2020	127.182	37.971	12.029		52.000	4.901	37.000	-15.000	37.000		UBND huyện Mỹ Đức	Chậm tiến độ do ảnh hưởng Covid - dừng thi công công trình
31	Đường giao thông kết hợp hệ thống thoát nước khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2020-2021	7103/QĐ-UBND 16/12/2019	48.640	15.891	4.109		25.000	8.100	15.000	-10.000	15.000		UBND huyện Mỹ Đức	Chậm tiến độ do ảnh hưởng Covid - dừng thi công công trình
32	Đường vành đai Khu công nghiệp Bắc Phú Cát (nay là đường vành đai khu công nghệ cao Hòa Lạc), huyện Quốc Oai		1		Quốc Oai	2020-2022	6062/QĐ-UBND 31/10/2019	482.536	90.000	90		150.000	78.774	100.000	-50.000	100.000		UBND huyện Quốc Oai	Do vướng mắc GPMB và tạm dừng thi công trong thời gian giãn cách do Covid
33	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn từ ngã tư Vạn Bảo đến nút Núi Trúc)		1		Ba Đình	2009-2018	1096/QĐ-UB 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND 08/5/2017; 1697/QĐ-UBND 09/4/2019	300.259	280.623	124		30.000	2.088	2.500	-27.500	2.500		BQLDA ĐTXDCT giao thông	
X.2	Dự án điều chỉnh tăng	2	21	3				13.793.290	4.371.066	29.125	27.230	749.475	700.414	2.015.460	1.265.389	2.014.864	11		
X.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án	2	13					10.662.233	4.371.066	29.125	27.230	749.475	700.414	1.503.864	754.389	1.503.864	8		
1	Đầu tư xây dựng đường ngang đê Đáy - TL419 - đường trục huyện, huyện Mỹ Đức		1		Mỹ Đức	2018-2021	5704/QĐ-UBND 23/10/2018; 401/QĐ-UBND 19/01/2021	79.398	57.862					14.000	14.000	14.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Vốn năm 2019 kéo dài, không giải ngân hết, do vướng mắc trong công tác GPMB và điều chỉnh dự án
2	Nâng cấp, cải tạo xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 419, đoạn Km44+00 đến Km60+00, huyện Mỹ Đức		1		Mỹ Đức	2016-2021	4010/QĐ-UBND 11/9/2012; 1836/QĐ-UBND 19/4/2016; 1930/QĐ-UBND 29/4/2021	527.263	494.038					10.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Vốn năm 2019 kéo dài, không giải ngân hết, do vướng mắc trong công tác GPMB và điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
3	Đường liên khu vực 1 (đoạn từ Đức Thượng đến Song Phương), huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2019-2021	5432/QĐ-UBND 30/10/2019	1.026.290	398.809	356	356			110.000	110.000	110.000		UBND huyện Hoài Đức	Ngân sách Thành phố bổ trí 50% TMDT; Vốn 2019 kéo dài 110 tỷ đồng bị hủy
4	Đường liên khu vực 8 (từ Đại lộ Thăng Long đến đường tỉnh 423), huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2019-2021	5388/QĐ-UBND 30/10/2019	421.503	153.716	16.319	16.319	20.000	400	40.000	20.000	40.000		UBND huyện Hoài Đức	TP bổ trí 50%; Bổ trí vốn theo tiến độ thực hiện dự án. Dự kiến 15/8/2021 giải ngân 20 tỷ đồng
5	Đường Lai Yên – Vân Canh (từ Đường Liên khu vực 2 đến đường Vành đai 3.5), huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2019-2021	5343/QĐ-UBND 30/10/2019	469.885	189.691	1.725	1.725	19.000	15.822	39.000	20.000	39.000		UBND huyện Hoài Đức	Thành phố bổ trí 50%; Bổ trí vốn theo tiến độ thực hiện dự án.
6	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội		1		Thanh Oai	2021-2025	4309/QĐ-UBND; 24/9/2020	523.858	131.687	3.312	3.312	50.000	49.470	150.000	100.000	150.000		UBND huyện Thanh Oai	Bổ trí vốn để thanh toán GPMB và tạm ứng xây lắp
7	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427, đoạn từ Quốc lộ 21B - đường trục phía Nam - Quốc lộ 1A, trên địa bàn huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2018-2021	5746/QĐ-UBND 25/10/2018	121.496	97.586	7.413	5.518			10.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Bổ trí vốn để chi trả GPMB và thi công hoàn thành công trình
8	Xây dựng đoạn đường nối từ đường Trung Yên 6 ra đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội		1		Cầu Giấy	2018-2021	7867/QĐ-UBND 10/11/2017	59.611	20.514			11.000		7.389	-3.611	7.389		UBND quận Cầu Giấy	GPMB và khởi công thực hiện DA, bổ sung vốn đáp ứng tiến độ thực hiện dự án
9	Cải tạo, mở rộng theo quy hoạch phố Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân		1		Thanh Xuân	2017-2021	7623/QĐ-UBND 31/10/2017; 5821/QĐ-UBND 31/12/2020	366.234	189.237					9.000	9.000	9.000	1	UBND quận Thanh Xuân	Hoàn thành công tác GPMB và đẩy nhanh công tác thi công xây dựng
10	Công trình trọng điểm 2016-2020: Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long Phần XL + chi khác do Ban Giao thông làm CĐT	1			Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	2016-2021	7240/QĐ-UBND 18/10/2017; 675/QĐ-BQLCTGT 02/11/2017; 892/QĐ-UBND 22/02/2019	3.113.000	1.875.729			10.000	10.000	30.000	20.000	30.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Thanh toán khối lượng thực hiện
11	Công trình trọng điểm: Xây dựng cầu Vĩnh Tuy, Giai đoạn 2	1			Long Biên	2020-2024	2673/QĐ-UBND 24/6/2020	2.538.153	30.000			594.475	586.711	904.475	310.000	904.475		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Thanh toán theo tiến độ triển khai
12	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường 23B (Hà Nội - nghĩa trang Thanh Tước)		1		Mê Linh	2011-2021	3858/QĐ-UBND 26/6/2017; 2748/QĐ-UBND 24/5/2019	401.533	228.641					5.000	5.000	5.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	Bổ trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
13	Xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đi thấp qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường Vành đai 3		1		Hoàng Mai	2018-2022	5594/QĐ-UBND 18/10/2018; 2734/QĐ-UBND 26/6/2020	341.672	204.556			25.000	25.000	70.000	45.000	70.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	Thanh toán khối lượng đã thực hiện và thi công hoàn thành hạng mục bổ sung cầu cho xe máy trong năm 2021
14	Xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường Vành đai 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải phòng		1		Long Biên, Gia Lâm	2019-2021	3213/QĐ-UBND 14/6/2019; 5054/QĐ-UBND 11/11/2020	402.161	212.000			10.000	10.000	60.000	50.000	60.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng đã thực hiện.

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
15	Xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Làng giáo dục Quốc tế) và đường bao quanh Làng giáo dục Quốc tế.		1		Nam Từ Liêm; Hoài Đức	2010-2021	3102/QĐ-UBND 29/6/2011; 3282/QĐ-UBND 19/6/2019	270.177	87.000			10.000	3.011	45.000	35.000	45.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	Chi trả kinh phí GPMB do công ty Thiên hương đã thực hiện trước đây
X.2.2	Dự án khởi công mới		8	3				3.131.057						511.596	511.000	511.000	3		
1	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32 trên địa bàn huyện Ba Vì - giai đoạn 1 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng), huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2022-2025	3989/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	365.355						5.000	5.000	5.000		UBND huyện Ba Vì	Bổ trí vốn lập TKBVTC - DT
2	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 414C đi xã Thuận Mỹ (nối khu du lịch Suối Hai với khu du lịch nước khoáng nóng Thuận Mỹ), huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2021-2024	4062/QĐ-UBND 01/9/2021	276.732						5.000	5.000	5.000		UBND huyện Ba Vì	Bổ trí vốn để thanh toán tiền lập dự án và thiết kế BVTC;
3	Đầu tư cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 413 đoạn từ Km0+00 đến Km5+900, thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2021-2024	2592/QĐ-UBND 14/6/2021	474.861						5.000	5.000	5.000		UBND thị xã Sơn Tây	Bổ trí vốn cho các gói thầu tư vấn bước chuẩn bị đầu tư và bước thiết kế BVTC
4	Đầu tư Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 414 (đoạn từ ngã ba Vĩ Thủy đi Xuân Khanh), thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2021-2024	2593/QĐ-UBND 14/6/2021	390.307						80.000	80.000	80.000		UBND thị xã Sơn Tây	Bổ trí vốn thực hiện GPMB và khởi công dự án
5	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Thạch Bích đến nút giao đường tỉnh 427 và đoạn từ nút giao ngã tư Vác đến hết địa phận huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2021-2023	2719/QĐ-UBND 24/6/2021	382.300						197.596	197.000	197.000		UBND huyện Thanh Oai	Bổ trí vốn để tạm ứng xây lắp và GPMB
6	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ngũ Hiệp đi Đông Mỹ, huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2020-2022	5497/QĐ-UBND 08/12/2020	205.890						5.000	5.000	5.000		UBND huyện Thanh Trì	Bổ trí vốn để thanh toán tiền lập dự án và thiết kế BVTC
7	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình đến đường tỉnh lộ 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2021-2025	2718/QĐ-UBND 24/6/2021	651.987						200.000	200.000	200.000		UBND huyện Ứng Hòa	Bổ trí vốn để tạm ứng xây lắp và GPMB
8	Xây dựng tuyến đường phát triển phía Tây Nam huyện Quốc Oai từ đường tỉnh 421B đi đường tỉnh 419 nối với đường tỉnh 423 hiện trạng		1		Quốc Oai	2021-2023	1161/QĐ-UBND 10/3/2021	370.315						2.000	2.000	2.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	Lập TK-BVTC dự toán công trình; chuẩn bị công tác rà phá bom mìn
9	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Quốc lộ 32 (thôn Lai Xá), Hoài Đức			1	Hoài Đức	2021-2022	5169/QĐ-UBND 17/11/2020	4.568						4.000	4.000	4.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
10	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 1, quận Long Biên			1	Long Biên	2020-2021	5461/QĐ-UBND 07/12/2020	4.079						3.800	3.800	3.800	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
11	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 3, quận Long Biên			1	Long Biên	2020-2021	5460/QĐ-UBND 07/12/2020	4.663						4.200	4.200	4.200	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
XI	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình		1	1				139.674	43.572			41.000		12.000	-29.000	12.000			
XI.1	Dự án điều chỉnh giảm		1	1				139.674	43.572			41.000		12.000	-29.000	12.000			
1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất tại Trung tâm Truyền dẫn phát sóng Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội tại đường Sa Đới phường Phú Đô quận Nam Từ Liêm phục vụ bán giao Trụ sở 32 Tô Hiệu, Hà Đông cho Báo Nhân dân.			1	Nam Từ Liêm	2019-2021	1730/QĐ-UBND 27/4/2020	41.120				21.000		12.000	-9.000	12.000		Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội	NSTP 20,56 tỷ đồng. Dự kiến cuối năm 2021 mới hoàn thành công tác đấu thầu, ký HĐ và tạm ứng XL, TB
2	Chuyển đổi công nghệ phát thanh Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội giai đoạn 2016-2020		1		Phủ đò, Nam Từ Liêm	2019-2021	2606/QĐ-UBND 17/5/2019; 685/QĐ-UBND 08/02/2021	98.554	43.572			20.000			-20.000			Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội	NSTP 74,0 tỷ đồng. Tạm dừng Dự án để điều chỉnh quy mô 1 số hạng mục.
XII	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật tái định cư		5					918.142	352.049	12.692		92.000	42.220	105.000	13.000	105.000	3		
XII.1	Dự án điều chỉnh giảm		1					56.740	8.000	4.993		37.000	5.807	13.000	-24.000	13.000			
1	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2016-2021	2105/QĐ-UBND 05/4/2017; 6697/QĐ-UBND 20/11/2019	56.740	8.000	4.993		37.000	5.807	13.000	-24.000	13.000		UBND thị xã Sơn Tây	Chậm tiến độ GPMB. KLXL dự kiến đạt 70%
XII.2	Dự án điều chỉnh tăng		4					861.402	344.049	7.699	-	55.000	36.413	92.000	37.000	92.000	3		
XII.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án		4					861.402	344.049	7.699	-	55.000	36.413	92.000	37.000	92.000	3		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của Khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCST Sóc Sơn)		1		xã Hồng Kỳ, Sóc Sơn	2019-2021	1570/QĐ-UBND 26/5/2020	101.600	75.500					12.000	12.000	12.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Điều chỉnh do tăng giá hỗ trợ GPMB
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Nam Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCST Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCST Sóc Sơn)		1		Nam Sơn, Sóc Sơn	2019-2021	2683/QĐ-UBND 26/5/2019, 4451/QĐ-UBND 23/11/2020	121.000	104.700					5.000	5.000	5.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Điều chỉnh do tăng giá hỗ trợ GPMB
3	Xây dựng HTKT khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCST Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCST Sóc Sơn)		1		xã Bắc Sơn, Sóc Sơn	2019-2021	3270/QĐ-UBND 22/9/2020	114.376	33.849	7.699		30.000	12.880	38.000	8.000	38.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Điều chỉnh do tăng giá hỗ trợ GPMB

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
4	Xây dựng khu di dân phục vụ GPMB khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An và các dự án đầu tư thuộc huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2019-2024	4112/QĐ-UBND 31/7/2019	524.426	130.000			25.000	23.533	37.000	12.000	37.000		UBND huyện Thanh Trì	Bổ sung vốn để thanh toán cho chi phí GPMB
XIII	Lĩnh vực tòa án, viện kiểm sát		4	3				1.188.499	371.315	522		247.000	136.694	300.000	53.000	300.000	2		
XIII.1	Dự án điều chỉnh giảm		3	2				457.493	185.818	522		147.000	39.375	95.000	-52.000	95.000	1		
1	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội		1		Hoàng Mai	2018-2021	6019/QĐ-UBND 31/10/2018; 5462/QĐ-UBND 07/12/2020	301.091	140.288			60.000	13.013	40.000	-20.000	40.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và CN	Giám do GPMB
2	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2018-2021	763/QĐ-UBND 17/2/2020	24.367	10.128			11.000	1.417	6.000	-5.000	6.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và CN	Đang trình phê duyệt điều chỉnh dự án.
3	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông		1		Hà Đông	2019-2022	6113/QĐ-UBND 31/10/2019	49.219	15.753	522	-	25.000	3.057	11.000	-14.000	11.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và CN	Công trình phải tạm dừng thi công để thực hiện giãn cách xã hội
4	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm			1	Bắc từ Liêm	2018-2021	2892/QĐ-UBND 02/7/2020	35.269	5.376			25.000	10.333	19.000	-6.000	19.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và CN	Công trình phải tạm dừng thi công để thực hiện giãn cách xã hội
5	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2019-2022	6115/QĐ-UBND 31/10/2019	47.547	14.273			26.000	11.555	19.000	-7.000	19.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và CN	Công trình phải tạm dừng thi công để thực hiện giãn cách xã hội
XIII.2	Dự án điều chỉnh tăng		1	1				731.006	185.497			100.000	97.319	205.000	105.000	205.000	1		
XIII.2.1	Dự án đang triển khai bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ/hoàn thành dự án		1	1				731.006	185.497			100.000	97.319	205.000	105.000	205.000	1		
1	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội		1		Hoàng Mai	2019-2023	6111/QĐ-UBND 31/10/2019	711.099	176.232			100.000	97.319	200.000	100.000	200.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và CN	Để tạm ứng và thi công theo tiến độ dự án (thi công khối nhà xét xử, hạng mục ngoài trời, nội thất đồ rời, thang máy)
2	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng			1	Hai Bà Trưng	2018-2021	6020/QĐ-UBND 31/10/2018; 1595/QĐ-UBND 17/4/2020; 129/QĐ-UBND 11/01/2021	19.907	9.265					5.000	5.000	5.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và CN	Bổ trí vốn để thi công hoàn thành công trình
XV	Chuẩn xác tên Chủ đầu tư																		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Địa điểm	KC-HT	Dự án đầu tư		Lũy kế giải ngân hết ngày 31/01/2021	KH 2020 kéo dài		KH 2021 đã giao	Giải ngân KH 2021 đến 31/8/2021	Ước giải ngân cả năm 2021	Điều chỉnh KH2021	KH 2021 sau điều chỉnh	HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C			Số quyết định	TMDT		KH	Giải ngân								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=13+16	18	19	20
1	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K20+700 đến K20+950 và từ K21+200 đến K21+500 để hữu Hồng thuộc xã Chu Minh, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2020-2021	2050/QĐ-SNN 05/11/2020	35.189				30.000					1	UBND huyện Ba Vì	Điều chỉnh tên chủ đầu tư tại Quyết định 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 (từ Sở NN&PTNT sang UBND huyện Ba Vì)
B	ĐA THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ SỬ DỤNG NGUỒN THU TỪ ĐẤT		1					1.337.990	847.984	4.780		100.000	17.076	30.000	-70.000	30.000			
1	Dự án điều chỉnh giảm		1					1.337.990	847.984	4.780		100.000	17.076	30.000	-70.000	30.000			
1	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Giấy đến khu đô thị mới Dịch Vọng		1		Cầu Giấy	2017-2022	7587/QĐ-UBND 21/10/2017; 375/QĐ-UBND 8/01/2021	1.337.990	847.984	4.780		100.000	17.076	30.000	-70.000	30.000		UBND quận Cầu Giấy	Vướng mắc trong GPMB
C	ĐA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẢNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP TỪ TỔ CHỨC			1				60.028	10.183					15.000	15.000	15.000			
1	Dự án điều chỉnh tăng			1				60.028	10.183					15.000	15.000	15.000			
1.1	Dự án đã có trong danh mục giao đầu năm tại QĐ 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020			1				60.028	10.183					15.000	15.000	15.000			
1	Xây dựng tuyến đường số 5 vào trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây			1	Bắc Từ Liêm	2020-2022	2080/QĐ-UBND 21/5/2020	60.028	10.183					15.000	15.000	15.000		BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	ĐA sử dụng nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH THT; Công ty đã chuyển NSTP 305,894 tỷ đồng để XD 5 tuyến đường (số 1,2,3,4,5); đến nay cả 5 tuyến mới GN 103,32/305.894 tỷ đồng, trong đó tuyến 1,4 đã hoàn thành

Phụ lục 3

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 HỖ TRỢ THỰC HIỆN DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Báo cáo số **229** /BC-UBND ngày **06** /9/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	KC-HT	Quy mô/ Năng lực thiết kế dự án	Dự án đầu tư		KH 2021 đã bố trí	GN KH 2021 đến 15/7/2021	Ước GN đến hết năm 2021	Điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	CT HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMBT								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11			12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	5	33					1.694.065	35.500		1.101.500	1.066.000	1.101.500	33		
A	THỰC HIỆN CTMT QUỐC GIA VỀ PTKT VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		33					392.144	35.500		278.500	243.000	278.500	30		
	<i>Tổng điều chỉnh giảm</i>		2					37.000	35.500		18.000	-17.500	18.000	1		
	<i>Tổng điều chỉnh tăng</i>		31					355.144			260.500	260.500	260.500	29		
I	Huyện Ba Vì		10					163.220			106.000	106.000	106.000	8		
I.1	Điều chỉnh tăng		10					163.220			106.000	106.000	106.000	8		
1	Công trình mương, vai thủy lợi nội đồng thôn Gò Đình Muôn xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2021	Kiên cố hóa mương vai thủy lợi tổng chiều dài L=7,94km	3363/QĐ-UBND 12/6/2021	11.000			9.000	9.000	9.000	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Công trình mương, vai thủy lợi nội đồng thôn Đồng Sổng xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2021	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi tổng chiều dài L=6,22km	3365/QĐ-UBND 12/6/2021	9.000			8.000	8.000	8.000	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Công trình thủy lợi nội đồng thôn Muồng Châu xã Vân Hòa		1	Xã Vân Hòa	2021	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi tổng chiều dài L=8,21km	3366/QĐ-UBND 12/6/2021	11.000			9.000	9.000	9.000	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Công trình mương, vai thủy lợi nội đồng thôn Rùa xã Vân Hòa		1	Xã Vân Hòa	2021	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi tổng chiều dài L=6,8km	3367/QĐ-UBND 12/6/2021	9.000			8.000	8.000	8.000	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh mương xã Tân Lĩnh		1	Xã Tân Lĩnh	2021	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi tổng chiều dài L=5,56km	3339/QĐ-UBND 12/6/2021	12.218			10.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Đường trục Vân Hòa đi Tân Lĩnh		1	Xã Vân Hòa	2021	Chiều dài L=4,09km Bm: 5m đường BTXM	3343/QĐ-UBND 12/6/2021	38.150			15.000	15.000	15.000		UBND huyện Ba Vì	
7	Đường nối tỉnh lộ 414 đi Vân Hòa		1	Xã Tân Lĩnh	2021	L=5,2km. Bm: 5-7m (tuyến chính); tuyến nhánh Bm: 3-4m. Mặt đường BTXM	3344/QĐ-UBND 12/6/2021	35.693			14.000	14.000	14.000		UBND huyện Ba Vì	
8	Đường trục thôn Yên Thành xã Tân Lĩnh		1	Xã Tân Lĩnh	2021	L=1,86km. Bm: 5m (tuyến chính); tuyến nhánh Bm: 3-3,5m. Mặt đường BTXM	3359/QĐ-UBND 12/6/2021	10.171			9.000	9.000	9.000	1	UBND huyện Ba Vì	
9	Đường giao thông thôn Gò Đình Muôn xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2021	Chiều dài L=4,64km. Bm: 3,5-5m. Mặt đường BTXM	3360/QĐ-UBND 12/6/2021	14.988			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	KC-HT	Quy mô/ Năng lực thiết kế dự án	Dự án đầu tư		KH 2021 đã bố trí	GN KH 2021 đến 15/7/2021	Ước GN đến hết năm 2021	Điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	CT HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMDT								
10	Đường giao thông thôn Đồng Sóng xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2021	Chiều dài L=3,29km. Bm: 3,5-5m. Mặt đường BTXM	3361/QĐ-UBND 12/6/2021	12.000			10.500	10.500	10.500	1	UBND huyện Ba Vì	
II	Huyện Thạch Thất		6					62.460	35.500		41.000	5.500	41.000	5		
II.1	Điều chỉnh giảm		2					37.000	35.500		18.000	-17.500	18.000	1		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn 6 xã Tiến Xuân, thôn 2 xã Yên Bình		1	xã Tiến Xuân, Yên Bình	2021	xây mới 2 NVH	3399/QĐ-UBND 28/7/2020	7.000	6.500	0	0	-6.500	0	1	UBND huyện Thạch Thất	NVH thôn 6 xã Tiến Xuân chưa triển khai thi công do vướng mắc QH chung đồ thị Hòa Lạc. Dự án đã được TP bố trí 5 tỷ đồng vốn hỗ trợ xây dựng NVH thôn năm 2020 tại NQ 22/NQ-HĐND ngày 09/12/2020
2	Đầu tư xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tiến Xuân		1	Xã Tiến Xuân	2021	GPMB 4500m2; XD nhà làm việc trụ sở; xây nhà bảo vệ, để xe, phụ trợ, trang thiết bị, ...	5680/QĐ-UBND 12/11/2020	30.000	29.000	0	18.000	-11.000	18.000		UBND huyện Thạch Thất	Vướng mắc GPMB
II.2	Điều chỉnh tăng		4					25.460			23.000	23.000	23.000	4		
1	Xây dựng cống, bãi mương dẫn nước thoát lũ khu vực nhà văn hóa, trường mầm non xã Tiến Xuân		1	xã Tiến Xuân	2021	XD 01 bãi điều tiết và mương dẫn nước BTCT, L= 600m	5758/QĐ-UBND 18/11/2020	5.000			4.500	4.500	4.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
2	Xử lý cấp bách cống thoát lũ hạ lưu hồ Cổ Đụng xã Tiến Xuân		1	xã Tiến Xuân	2021	Phá dỡ cống cũ, tường, cửa vào cống; thiết kế cống hộp BTCT 2 khoang, xử lý sạt lở mang cống kết hợp làm đường giao	5686/QĐ-UBND 13/11/2020	3.000			2.500	2.500	2.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Yên Trung		1	xã Yên Trung	2021	2 tuyến dài 0,64km; Bn=5,5-9m; Bm=3,5-5,5m; BTXM, kè, cống hộp, rãnh thoát nước,	5683/QĐ-UBND 12/11/2020	7.500			7.000	7.000	7.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
4	Đường giao thông, thoát nước từ ĐT446 đi thôn Chùa 2 và thôn Đồng Dầu đi suối Cao xã Tiến Xuân		1	xã Tiến Xuân	2021	L =1,88km; nền đường 4,5-6m; dự kiến đầu tư mặt đường BTXM, Nền mặt đường, hệ thống rãnh thoát nước, ...		9.960			9.000	9.000	9.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
III	Huyện Quốc Oai		2					29.300			22.000	22.000	22.000	2		
III.1	Điều chỉnh tăng		2					29.300			22.000	22.000	22.000	2		
1	Cầu Đồng Bò, xã Đông Xuân		1	Xã Đông Xuân	2021	L = 22m; B = 13m	9500/QĐ-UBND 30/12/2017	14.800			11.000	11.000	11.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Cầu Đá Liềm, xã Đông Xuân		1	Xã Đông Xuân	2021	L = 22m; B = 13m	9501/QĐ-UBND 30/12/2017	14.500			11.000	11.000	11.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
IV	Huyện Chương Mỹ		9					70.893			50.000	50.000	50.000	9		
IV.1	Điều chỉnh tăng		9					70.893			50.000	50.000	50.000	9		

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	KC-HT	Quy mô/ Năng lực thiết kế dự án	Dự án đầu tư		KH 2021 đã bố trí	GN KH 2021 đến 15/7/2021	Ước GN đến hết năm 2021	Điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	CT HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMDT								
1	Cải tạo, mở rộng sân thể thao trung tâm xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021	Xây dựng sân thể thao, Các hạng mục phụ trợ	2063/QĐ-UBND 15/4/2021	4.449			4.000	4.000	4.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Sân thể thao khu Đồng Ké, xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021	Xây dựng sân thể thao; Các hạng mục phụ trợ	2064/QĐ-UBND 15/4/2021	3.303			3.000	3.000	3.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Kè bờ suối quán Bồng thôn Đồng Ké, xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021	Tổng chiều dài 534,5 m	2892/QĐ-UBND 25/5/2021	5.572			5.000	5.000	5.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Nạo vét suối vai Cờ và cải tạo nâng cấp kênh tưới trạm bơm Đồng Ké		1	Xã Trần Phú	2021	L=385m; Cải tạo nâng cấp kênh tưới trạm bơm với chiều dài 465m	3352/QĐ-UBND 18/6/2021	2.683			2.500	2.500	2.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Cứng hóa hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021	Tổng chiều dài 3974,76 m gồm 10 tuyến	2891/QĐ-UBND 25/5/2021	7.183			6.500	6.500	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Cứng hóa đường giao thông nội đồng xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021	Tổng chiều dài 8326,22 m	3085/QĐ-UBND 02/6/2021	32.500			15.000	15.000	15.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
7	Rãnh thoát nước đường giao thông các thôn xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021	Tổng chiều dài 3122,12m	3087/QĐ-UBND 02/6/2021	8.315			7.500	7.500	7.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
8	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021	Cải tạo nhà làm việc 2 tầng; Cải tạo nhà làm việc 1 cửa; các hạng mục phụ trợ	2065/QĐ-UBND 15/4/2021	4.726			4.500	4.500	4.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
9	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021	Cải tạo, sửa chữa đài tưởng niệm; các hạng mục phụ trợ	2062/QĐ-UBND 15/4/2021	2.162			2.000	2.000	2.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
V	Huyện Mỹ Đức		6					66.271			59.500	59.500	59.500	6		
V.1	Điều chỉnh tăng		6					66.271			59.500	59.500	59.500	6		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã An Phú đoạn từ thôn Đồng chiêm đến đường liên xã		1	xã An Phú	2021	Tiêu chuẩn đường GTNT	1412/QĐ-UBND 24/6/2021	10.014			9.000	9.000	9.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Thanh Hà xã An Phú(giai đoạn 2)		1	xã An Phú	2021	1,354 km	1410/QĐ-UBND 24/6/2021	6.196			5.500	5.500	5.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Cải tạo nâng cấp đường trục chính xã An Phú đoạn từ UBND xã đến QL21A		1	Xã An Phú	2021	L = 3,1km; B nền = 6,5m; B mặt = 5,5m	1394/QĐ-UBND 23/6/2021	23.926			21.000	21.000	21.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
4	Xây dựng kênh mương tưới thôn Đức Dương, Phú Thanh, Đồi Dúng, Đồi Lý xã An Phú		1	Xã An Phú	2021	L1 = 1,650m; L2 = 670m; L3 = 863m; L4 = 1,054m	1411/QĐ-UBND 24/6/2021	10.859			10.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
5	Xây dựng kênh mương tưới thôn Nam Hưng, Thanh Hà, vùng 3 thôn, Rộc Éo, Bơ Mối xã An Phú		1	Xã An Phú	2021	L = 1,625m	1409/QĐ-UBND 24/6/2021	10.083			9.500	9.500	9.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	KC-HT	Quy mô/ Năng lực thiết kế dự án	Dự án đầu tư		KH 2021 đã bố trí	GN KH 2021 đến 15/7/2021	Ước GN đến hết năm 2021	Điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	CT HT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMDT								
6	Xây dựng Chợ An Phú		1	xã An Phú	2021	5.120 m2	1408/QĐ-UBND 24/6/2021	5.193			4.500	4.500	4.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
B	THỰC HIỆN CTMT QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	5						1.301.921			823.000	823.000	823.000	3		
1	Hỗ trợ để thanh toán dự án hoàn thành thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới	1		huyện Ba Vì	2021	góp phần hoàn thành Chương trình XD NTM tại 09 xã chưa đạt		329.570			253.000	253.000	253.000	1	UBND huyện Ba Vì	Nhu cầu UBND huyện Ba Vì đề xuất hỗ trợ 329,57 tỷ đồng tại các Tờ trình số 1066/TTr-UBND ngày 13/5/2021 và 1568/TTr-UBND ngày 30/6/2021
2	Hỗ trợ để thanh toán dự án hoàn thành thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới	1		huyện Mỹ Đức	2021	góp phần hoàn thành Chương trình XD NTM tại 05 xã chưa đạt		170.477			120.000	120.000	120.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Nhu cầu UBND huyện Mỹ Đức đề xuất hỗ trợ 170,477 tỷ đồng để thanh toán dự án cơ bản hoàn thành tại Báo cáo số 257/BC-UBND ngày 11/6/2021
3	Hỗ trợ thực hiện xây dựng Nhà thi đấu thể thao huyện Phú Xuyên để đạt tiêu chí Huyện nông thôn mới	1		huyện Phú Xuyên	2021-2023	Ssản xd=4.485m2, 1000 chỗ, nhà thi đấu và phần sân tập luyện, ...	2709/QĐ-UBND 16/6/2021	88.871			30.000	30.000	30.000		UBND huyện Phú Xuyên	UBND huyện Phú Xuyên đề nghị NSTP hỗ trợ xây dựng TT văn hóa thể thao để đạt tiêu chí Huyện nông thôn mới (313/BC-UBND 15/6/2021)
4	Hỗ trợ để thanh toán dự án hoàn thành thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới	1		huyện Phú Xuyên	2021	góp phần thanh toán 388 dự án hoàn thành thực hiện Chương trình NTM		614.356			370.000	370.000	370.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Nhu cầu UBND huyện Phú Xuyên đề xuất hỗ trợ 614,356 tỷ đồng để thanh toán dự án hoàn thành tại tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 09/7/2021
5	Hỗ trợ thực hiện Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Ứng Hòa	1		huyện Ứng Hòa	2021-2023	S sản xd=4.023m2, 500 chỗ, lớp học năng khiếu văn thể mỹ, thư viện, ...	561/QĐ-UBND 08/06/2021	98.647			50.000	50.000	50.000		UBND huyện Ứng Hòa	UBND huyện Ứng Hòa đề nghị NSTP hỗ trợ xây dựng TT văn hóa thể thao để đạt tiêu chí Huyện nông thôn mới (906/CV-UBND ngày 23/6/2021)

Phụ lục 4

BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 229 /BC-UBND ngày 06 /9/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMBT						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	48	136					8.156.570	734.949	599.500	2.372.000	2.971.500		
	<i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>	<i>15</i>	<i>20</i>					<i>2.150.050</i>	<i>730.990</i>	<i>599.500</i>	<i>95.500</i>	<i>695.000</i>		
	<i>Dự án mới khởi công trong các tháng cuối năm 2021</i>	<i>33</i>	<i>116</i>					<i>6.006.520</i>	<i>3.959</i>		<i>2.276.500</i>	<i>2.276.500</i>		
	Trong đó:													
	<i>Tổng điều chỉnh giảm</i>	<i>8</i>	<i>9</i>					<i>1.327.438</i>	<i>492.091</i>	<i>514.500</i>	<i>-174.500</i>	<i>340.000</i>		
	<i>Tổng điều chỉnh tăng</i>	<i>40</i>	<i>127</i>					<i>6.829.132</i>	<i>242.858</i>	<i>85.000</i>	<i>2.546.500</i>	<i>2.631.500</i>		
I	XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN	22	42					2.638.967	360.917	257.000	802.800	1.059.800		
<i>I.1</i>	<i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>	<i>10</i>	<i>12</i>					<i>1.053.962</i>	<i>360.117</i>	<i>257.000</i>	<i>155.800</i>	<i>412.800</i>		
<i>I.1.1</i>	<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>5</i>	<i>4</i>					<i>465.074</i>	<i>176.891</i>	<i>209.000</i>	<i>-49.200</i>	<i>159.800</i>		
1	Trường mầm non Cổ Đô	1		xã Cổ Đô	2020-2021	XD 15 lớp học, 2 phòng học bộ môn, khu hiệu bộ, trang thiết bị	3100/QĐ-UBND 21/10/2019	52.033	18.000	32.000	-7.000	25.000	UBND huyện Ba Vì	Vốn XSKT
2	Trường mầm non thị trấn Tây Đằng	1		TT Tây Đằng	2020-2022	XD mới nhà hiệu bộ, lớp học lý thuyết, nhà bếp, phụ trợ	2703/QĐ-UBND 24/6/2020	71.230	14.391	44.000	-10.000	34.000	UBND huyện Ba Vì	vướng GPMB
3	Trường mầm non Khu B Hợp Đồng (GD2)		1	xã Hợp Đồng	2021-2022		9909/QĐ-UBND 26/10/2020	7.381		6.000	-1.000	5.000	UBND huyện Chương Mỹ	Vốn XSKT
4	Trường mầm non TT Quảng Bị		1	xã Quảng Bị	2021-2022		9907/QĐ-UBND 26/10/2020	30.510		15.000	-3.500	11.500	UBND huyện Chương Mỹ	Vốn XSKT
5	Trường THCS Xuân Mai B		1	TT Xuân Mai	2020-2022		6333/QĐ-UBND 17/10/2019	27.753	15.000	10.000	-1.000	9.000	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Xây dựng trường tiểu học Kim Chung 2	1		xã Kim Chung	2019-2021	Xây mới 30 nhóm lớp	5887/QĐ-UBND 26/10/2018	107.770	73.000	27.000	-13.000	14.000	UBND huyện Đông Anh	
7	Trường Mầm non Phương Đình (khu B thôn La Thạch)	1		xã Phương Đình	2020-2022	Nhà hiệu bộ và nhà lớp học 3 tầng + 1 tum	7720/QĐ-UBND 25/10/2019	57.428	14.500	25.000	-3.700	21.300	UBND huyện Đan Phượng	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMDT						
8	Xây mới trường tiểu học Đức Giang, xã Đức Giang	1		xã Đức Giang	2018-2021	Xây mới	6095/QĐ-UBND 17/10/2018	81.602	42.000	25.000	-8.000	17.000	UBND huyện Hoài Đức	
9	Trường mầm non Quang Trung (GD II)		1	P Quang Trung	2021-2023	xây dựng nhà 3 chức năng và các hạng mục phụ trợ	1321/QĐ-UBND 12/11/2020	29.367		25.000	-2.000	23.000	UBND thị xã Sơn Tây	
1.1.2	Điều chỉnh tăng	5	8					588.888	183.226	48.000	205.000	253.000		
1	Trường Mầm non Đan Phượng (khu B), huyện Đan Phượng	1		xã Đan Phượng	2019-2022	Xây dựng 01 nhà hiệu bộ, 01 nhà lớp học	6758/QĐ-UBND 12/9/2019	88.909		28.000	12.000	40.000	UBND huyện Đan Phượng	
2	Trường mầm non Đông La 1, xã Đông La	1		Đông La	2020-2021	20 phòng học, 3 tầng, hạng mục phụ trợ	5157/QĐ-UBND 26/10/2019	79.117	3.000		40.000	40.000	UBND huyện Hoài Đức	
3	Trường tiểu học Chuyên Mỹ		1	xã Chuyên Mỹ	2021-2023	Xây mới nhà lớp học 3 tầng 30 phòng học và phụ trợ	2706/QĐ-UBND 01/6/2017; 5498/QĐ-UBND 31/12/2019	44.909		20.000	11.500	31.500	UBND huyện Phú Xuyên	Vốn XSKT
4	Trường Mầm non Hồng Thái		1	xã Hồng Thái	2021-2024	Xây mới	1144/QĐ-UBND 30/10/2017	35.402	20.000		15.000	15.000	UBND huyện Phú Xuyên	
5	Trường THCS Tri Thủy	1		Xã Tri Thủy	2021-2023	xây mới	1084/QĐ-UBND 02/4/2021	56.000	12.000		30.000	30.000	UBND huyện Phú Xuyên	
6	Trường THCS xã Châu Can		1	Huyện Phú Xuyên	2019-2021	Hoàn thành cơ sở vật chất để đạt chuẩn	3321/QĐ-UBND 30/10/2019	9.979	5.926		3.500	3.500	UBND huyện Phú Xuyên	
7	Trường mầm non trung tâm xã Phương Dục		1	Huyện Phú Xuyên	2018-2020	Hoàn thành cơ sở vật chất để đạt chuẩn	5211a/QĐ-UBND 24/12/2019	39.713	32.000		5.000	5.000	UBND huyện Phú Xuyên	
8	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Quang Lăng		1	Huyện Phú Xuyên	2019-2020	Xây mới nhà lớp học kết hợp bộ môn 3 tầng; cải tạo 02 phòng học	2548/QĐ-UBND 25/7/2019	19.347	10.000		6.000	6.000	UBND huyện Phú Xuyên	
9	Xây mới trường mầm non Ngọc Mỹ (điểm trường thôn Phú Mỹ)	1		xã Ngọc Mỹ	2021-2022	Xây mới điểm trường thôn Phú Mỹ	5432/QĐ-UBND 25/11/2020	49.427	15.000		20.000	20.000	UBND huyện Quốc Oai	
10	Đầu tư xây dựng trường mầm non Liệp Tuyết (điểm trường trung tâm)		1	xã Liệp Tuyết	2021-2022	Xây mới điểm trường trung tâm xã Liệp Tuyết	5433/QĐ-UBND 25/11/2020	35.524	15.000		15.000	15.000	UBND huyện Quốc Oai	
11	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Nghĩa Hương		1	Xã Nghĩa Hương	2021-2022	Mở rộng diện tích, xây dựng nhà đa năng và cải tạo các hạng mục khác	5431/QĐ-UBND 25/11/2020	36.942	10.000		20.000	20.000	UBND huyện Quốc Oai	
12	Trường Tiểu học Sài Sơn B, huyện Quốc Oai	1		Xã Sài Sơn	2020-2022	xây mới	8083/QĐ-UBND 30/10/2017	73.665	45.500		25.000	25.000	UBND huyện Quốc Oai	
13	Trường mầm non Quang Trung (giai đoạn 1)		1	P Trung Hưng	2020-2021		1506/QĐ-UBND 31/10/2019	19.954	14.800		2.000	2.000	UBND thị xã Sơn Tây	DT HT quyết toán
1.2	Dự án mới khởi công trong các tháng cuối năm 2021	12	30					1.585.005	800		647.000	647.000		

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bổ trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMDT						
1	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Kim Chung	1		Kim Chung	2021-2023		7352/QĐ-UBND 29/10/2020	52.045	400		20.000	20.000	UBND huyện Đông Anh	
2	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Cổ Loa		1	Cổ Loa	2021-2023	Cải tạo, chống xuống cấp và công nhận chuẩn lại năm 2023	8052/QĐ-UBND 30/11/2020	30.531	400		12.000	12.000	UBND huyện Đông Anh	
3	Xây dựng, hoàn thiện trường mầm non trung tâm xã Xuân Nộn giai đoạn 2		1	Xuân Nộn	2021-2023	Công nhận chuẩn lại năm 2023	7322/QĐ-UBND 27/10/2020	24.523			10.000	10.000	UBND huyện Đông Anh	
4	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học thị trấn A		1	Thị trấn	2021-2023	Cải tạo, chống xuống cấp và công nhận chuẩn lại năm 2023	7360/QĐ-UBND 20/10/2020	19.852			8.000	8.000	UBND huyện Đông Anh	
5	Trường mầm non Kim Chung - điểm trường thôn Lai Xá		1	xã Kim Chung	2021-2022	XD mới khối nhà 9 lớp học, nhà hiệu bộ, các hạng mục	8806/QĐ-UBND 03/12/2020	43.021			15.000	15.000	UBND huyện Hoài Đức	
6	Trường mầm non Phú Nam An - Giai đoạn 2		1	xã Phú Nam An	2021-2022	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng, 6 phòng và các hạng mục phụ trợ, thiết bị	3922/QĐ-UBND 07/7/2021	7.550			6.500	6.500	UBND huyện Chương Mỹ	
7	Xây dựng trường tiểu học Đại Thịnh A, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh	1		xã Đại Thịnh	2022	địa điểm mới, xây dựng 30 phòng học và các phòng bộ môn, hiệu bộ, nhà thể chất và sân vận động	1155/QĐ-UBND 15/3/2021	85.218			25.000	25.000	UBND huyện Mê Linh	
8	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Tráng Việt B, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	1		xã Tráng Việt	2021-2023	Mở rộng 6.229m ² ; xây mới 01 nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, 01 nhà hiệu bộ 3 tầng,	1151/QĐ-UBND 15/3/2021	45.830			14.000	14.000	UBND huyện Mê Linh	
9	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Thanh Lâm A, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	1		xã Thanh Lâm	2021-2023	XD 2 khối nhà 3 tầng, 30 phòng học bộ môn và các phòng chức năng, phụ trợ	3546/QĐ-UBND 25/8/2021	62.252			20.000	20.000	UBND huyện Mê Linh	
10	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Mê Linh		1	xã Mê Linh	2021-2023	XD mới 1 nhà lớp học 3 tầng, 13 phòng học và nhà giáo dục thể chất	3547/QĐ-UBND 25/8/2021	23.953			8.000	8.000	UBND huyện Mê Linh	
11	Trường mầm non Chuyên Mỹ	1		Xã Chuyên Mỹ	2021-2024	xây mới	2336/QĐ-UBND 24/5/2021	69.899			25.000	25.000	UBND huyện Phú Xuyên	
12	Trường mầm non trung tâm Khai Thái	1		Xã Khai Thái	2021-2023	xây mới	2712/QĐ-UBND 16/6/2021	62.150			24.000	24.000	UBND huyện Phú Xuyên	
13	Trường THCS Trần Phú	1		Trần Phú	2021-2023	XD 30 lớp học đạt chuẩn quốc gia và các công trình phụ trợ	2408/QĐ-UBND 28/5/2021	89.319			45.000	45.000	UBND huyện Phú Xuyên	
14	Trường tiểu học xã Đại Xuyên	1		Xã Đại Xuyên	2021-2023	Xây mới 3 khối nhà lớp học 3 tầng 30 phòng học, các phòng chức năng và phụ trợ	2436/QĐ-UBND 31/5/2021	69.385			30.000	30.000	UBND huyện Phú Xuyên	
15	Trường tiểu học Hồng Thái	1		xã Hồng Thái	2021-2023	xây mới, bổ sung khu nhà ăn và bể bơi trong nhà	2333/QĐ-UBND 21/5/2021	69.154			26.000	26.000	UBND huyện Phú Xuyên	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Nội dung thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMBT						
16	Trường mầm non Nam Triều		1	Huyện Phú Xuyên	2019-2021	Xây mới nhà lớp học 03 tầng và hạ tầng kỹ thuật	4299/QĐ-UBND 21/10/2019	11.356			6.000	6.000	UBND huyện Phú Xuyên	
17	Cải tạo, nâng cấp trường MN Sài Sơn B		1	Xã Sài Sơn	2021-2024	Chuyển vị trí, cải tạo điểm trường chính 16 phòng học, công trình phụ trợ	5439/QĐ-UBND 26/11/2020	41.190			18.000	18.000	UBND huyện Quốc Oai	
18	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Tiên Dược	1		Xã Tiên Dược	2021-2023	Xây dựng trường S xây dựng 4.092,5m	4721/QĐ-UBND 07/12/20	69.855			25.000	25.000	UBND huyện Sóc Sơn	
19	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Trí		1	Xã Minh Trí	2021-2023	Mở rộng 1591m2, xây thêm 05 phòng học thường và 05	2629/QĐ-UBND 6/7/2021	24.880			10.000	10.000	UBND huyện Sóc Sơn	
20	Cải tạo, nâng cấp trường MN Bắc Sơn A		1	Xã Bắc Sơn	2021-2023	cải tạo khối nhà 2 tầng 8 phòng học xây dựng năm	2626/QĐ-UBND 06/7/21	11.500			7.500	7.500	UBND huyện Sóc Sơn	
21	Xây thêm phòng học trường tiểu học Bình Phú A		1	Xã Bình Phú	2020-2021	Xây nhà lớp học 3 tầng 9 phòng; nhà học bộ môn và	1980/QĐ-UBND 12/6/2021	10.240			5.000	5.000	UBND huyện Thạch Thất	
22	Trường tiểu học Thạch Hòa		1	Xã Thạch Hòa	2021-2022	Xây nhà lớp học 3 tầng 12 phòng; khu giáo dục thể chất	1981/QĐ-UBND 12/6/2021	11.253			5.500	5.500	UBND huyện Thạch Thất	
23	Trường THCS xã Bình Minh (giai đoạn II)		1	xã Bình Minh	2021-2022	Nhà lớp học 3 tầng, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	2334/QĐ-UBND 30/10/2020	32.500			20.000	20.000	UBND huyện Thanh Oai	
24	Trường tiểu học xã Bích Hòa (giai đoạn II)		1	xã Bích Hòa	2022-2023	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng, nhà hiệu bộ 2 tầng và HMPT	1908/QĐ-UBND 21/9/2020	44.500			20.000	20.000	UBND huyện Thanh Oai	
25	Trường mầm non Phương Trung I (giai đoạn II)		1	xã Phương Trung	2021-2022	XD mới 10 phòng học, phòng chức năng, hiệu bộ...	2532/QĐ-UBND 12/5/2021	32.500			15.000	15.000	UBND huyện Thanh Oai	
26	Trường mầm non Cao Dương (khu trung tâm)		1	xã Cao Dương	2021-2022	Xây mới nhà lớp học 2 tầng, nhà hiệu bộ, phòng chức năng, hội trường, các hạng mục phụ trợ	2222/QĐ- UBND 29/10/2019	29.500			20.000	20.000	UBND huyện Thanh Oai	
27	Xây mới điểm trường trung tâm cho trường mầm non Yên Ngưu, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì	1		Xã Tam Hiệp	2022-2024	Xây mới 20 nhóm lớp	1541/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	88.298			40.000	40.000	UBND huyện Thanh Trì	
28	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Yên Mỹ		1	Xã Yên Mỹ	2021-2023	Xây mới 01 khối nhà học 4 tầng, cải tạo nhà hiệu bộ, nhà thể chất và phụ trợ	1770/QĐ-UBND 16/6/2021	38.477			15.000	15.000	UBND huyện Thanh Trì	
29	Cải tạo nâng cấp trường THCS Tân Triều	1		Xã Tân Triều	2021-2023	Xây mới nhà học 4 tầng, nhà đa năng 3 tầng, cải tạo nhà học, nhà hiệu bộ cũ và công trình phụ trợ	916/QĐ-UBND 23/6/2021	51.638			22.000	22.000	UBND huyện Thanh Trì	
30	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Văn Tự		1	Xã Văn Tự	2021-2022	Xây mới khu nhà hiệu bộ kết hợp lớp học, công trình phụ trợ	3125/QĐ-UBND 25/8/2021	13.276			5.000	5.000	UBND huyện Thường Tín	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Nội lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bổ trợ/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMDT						
31	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Thống Nhất		1	Huyện Thường Tín	2021-2022	Xây mới nhà lớp học 3 tầng kết hợp phòng chức năng và phụ trợ	3214/QĐ-UBND 25/8/2021	19.755			7.000	7.000	UBND huyện Thường Tín	
32	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tô Hiệu		1	Huyện Thường Tín	2020-2022	Mở rộng 6.400m ² ; xây mới khu hiệu bộ, khu lớp học, các hạng mục phụ trợ	3213/QĐ-UBND 25/8/2021	46.716			17.000	17.000	UBND huyện Thường Tín	
33	Trường mầm non Dũng Tiến (GD 2)		1	Huyện Thường Tín	2021-2022	Mở rộng 3.000 m ² ; xây mới khu hiệu bộ, khu lớp học, các hạng mục phụ trợ	2945/QĐ-UBND 20/7/2021	12.073			3.500	3.500	UBND huyện Thường Tín	
34	Xây dựng Trường tiểu học Văn Phú		1	Huyện Thường Tín	2021-2023	Mở rộng 6.439 m ² ; xây mới khu hiệu bộ, khu lớp học, các hạng mục phụ trợ	3144/QĐ-UBND 12/8/2021	28.557			9.000	9.000	UBND huyện Thường Tín	
35	Xây dựng trường mầm non Thăng Lợi, huyện Thường Tín		1	Huyện Thường Tín	2021-2023	Xây mới 01 lớp học kết hợp nhà hiệu bộ, công trình phụ trợ...	3258/QĐ-UBND 27/8/2021	28.737			12.000	12.000	UBND huyện Thường Tín	
36	Trường tiểu học Trung Tú huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội		1	xã Trung Tú	2020-2022	Xây mới nhà bộ môn 3 tầng 9 phòng, 01 khối nhà đa năng	914/QĐ-UBND 03/11/2020	14.980			9.000	9.000	UBND huyện Ứng Hòa	
37	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng + 4 phòng bộ môn trường THCS Trung Tú, huyện Ứng Hòa		1	xã Trung Tú	2021-2022	Xây khối lớp học 3 tầng, bộ môn 2 tầng, sửa chữa lớp học 2 tầng 8 phòng,	830/QĐ-UBND 24/08/2021	14.980			9.000	9.000	UBND huyện Ứng Hòa	
38	Trường tiểu học Phương Tú huyện Ứng Hòa		1	Xã Phương Tú	2021-2023	Xây mới nhà hiệu bộ, bộ môn, 18 phòng học	463/QĐ-UBND 14/05/2021	44.461			10.000	10.000	UBND huyện Ứng Hòa	
39	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (giai đoạn 2) huyện Ứng Hòa		1	Xã Lưu Hoàng	2021-2023	XD mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, khu bếp, phụ trợ	820/QĐ-UBND 24/08/2021	14.500			8.000	8.000	UBND huyện Ứng Hòa	
40	Trường mầm non Thanh Mỹ GD3		1	Xã Thanh Mỹ	2021-2023	Xây mới Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng S= 1.016m ² ; Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (cải tạo)	1452/QĐ-UBND 30/11/2020	14.906			10.000	10.000	UBND thị xã Sơn Tây	
41	Trường THCS Viên Sơn GD2		1	P. Viên Sơn	2021-2023	Xây mới NLH bộ môn 3 tầng, S=1.553,08m ² ; NHB 4 tầng, S=1.715,21m ² ; Nhà đa năng S=670,43m ² ...	1541/QĐ-UBND 15/12/2020	36.107			14.000	14.000	UBND thị xã Sơn Tây	
42	Trường THCS Ngô Quyền		1	P. Ngô Quyền	2021-2023	Nhà lớp học 4 tầng, 13 phòng kết hợp 06 phòng học bộ môn S=2.872m ² ; Nhà hiệu bộ 04 tầng S=1.116m ²	1736/QĐ-UBND 31/12/2020	43.587			16.000	16.000	UBND thị xã Sơn Tây	
II	XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA	1	34					285.389	22.619	10.000	125.500	135.500		

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMĐT						
II.1	Dự án đang triển khai thực hiện		1					44.998	20.000	10.000	5.000	15.000		
1	Tu bổ tôn tạo di tích đình, miếu, văn chỉ Cao Cương, xã Đông Quang, huyện Ba Vì		1	xã Đông Quang	2021-2023	Tu bổ, tôn tạo di tích	3185/QĐ-UBND 25/10/2019	44.998	20.000	10.000	5.000	15.000	UBND huyện Ba Vì	
II.2	Dự án mới khởi công trong các tháng cuối năm 2021	1	33					240.391	2.619		120.500	120.500		
1	Cải tạo, phục dựng và xây mới các hạng mục cụm di tích lịch sử đền Hạ, xã Minh Quang		1	xã Minh Quang	2021-2023	Tu bổ, tôn tạo di tích	2618/QĐ-UBND 09/9/2019, 196/QĐ-UBND 14/01/2020	29.960			15.000	15.000	UBND huyện Ba Vì	Chỉ đạo của PBT TTTU và Chủ tịch UBND TP tại VB số 5285/VP-KT ngày 31/5/2021
2	Tôn tạo di tích đình thôn Cộng Hòa, Thái Hòa	1		xã Thái Hòa	2021-2023	Tu bổ tôn tạo Đại Đình, nhà tá hữu mạc, nghi môn, gác chiêng, gác chống và các hạng mục khác	3061/QĐ-UBND 02/6/2021	45.000			17.000	17.000	UBND huyện Ba Vì	Chỉ đạo của UBND TP tại các VB: số 1082/VP-KGVX ngày 05/02/2021 và số 2149/VP-KGVX ngày 18/3/2021
3	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đình Xóm Thượng, xã Minh Châu		1	xã Minh Châu	2021-2024	Tu bổ tôn tạo Đại Đình, đại bái, hậu cung, nghi môn, hạng mục phụ trợ	3060/QĐ-UBND 02/6/2021	15.000			6.000	6.000	UBND huyện Ba Vì	
4	Thôn Cửa Đình, TT Tây Đằng		1	TT Tây Đằng	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2438/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
5	Thôn Đài Hoa, TT Tây Đằng		1	TT Tây Đằng	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2439/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
6	Thôn Phú Xuyên 1, xã Phú Châu		1	xã Phú Châu	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2441/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
7	Thôn Phú Xuyên 2, xã Phú Châu		1	xã Phú Châu	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2442/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
8	Thôn Tòng Lệnh 2, xã Tòng Bạt		1	xã Tòng Bạt	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2443/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
9	Thôn Tân Phong 2, xã Phong Vân		1	xã Phong Vân	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2766/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
10	Thôn Sơn Hà, xã Khánh Thượng		1	xã Khánh Thượng	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2771/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
11	Thôn Kiều Mộc, xã Cổ Đô		1	xã Cổ Đô	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2770/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
12	Thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô		1	xã Cổ Đô	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2768/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
13	Thôn Viên Châu, xã Cổ Đô		1	xã Cổ Đô	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2767/QĐ-UBND 20/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
14	Thôn Phú Phong, xã Cẩm Lĩnh		1	xã Cẩm Lĩnh	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2470/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMDT						
15	Thôn Tân An, xã Cẩm Lĩnh		1	xã Cẩm Lĩnh	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2449/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
16	Thôn Quy Mông, xã Phú Sơn		1	xã Phú Sơn	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2471/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
17	Thôn Áng Đông, xã Thụy An		1	xã Thụy An	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2472/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
18	Thôn Đông Kỳ, xã Thụy An		1	xã Thụy An	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2473/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
19	Thôn Duyên Lâm, xã Thụy An		1	xã Thụy An	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2474/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
20	Thôn Yên Khoái, xã Thụy An		1	xã Thụy An	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2475/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
21	Thôn Đông Cao, xã Thụy An		1	xã Thụy An	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2476/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
22	Thôn Pheo, xã Minh Quang		1	xã Minh Quang	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2478/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
23	Thôn Lặt, xã Minh Quang		1	xã Minh Quang	2021-2023	XD nhà văn hóa 150 chỗ ngồi; HTKT, phụ trợ...	2477/QĐ-UBND 12/5/2021	4.000			2.500	2.500	UBND huyện Ba Vì	
24	Thôn Đại Bái, xã Đại Thịnh		1	xã Đại Thịnh	2021-2023	Sđất 2000m2; Xây dựng 350-400m2	3216/QĐ-UBND 23/7/2021	6.940			2.500	2.500	UBND huyện Mê Linh	
25	Thôn Thọ Lão, xã Tiến Thịnh		1	xã Tiến Thịnh	2021-2023	Sđất 2000m2; Xây dựng 23,7mx16m	3607/QĐ-UBND 06/11/2020	6.967			2.500	2.500	UBND huyện Mê Linh	
26	Thôn Trung Hà, xã Tiến Thịnh		1	xã Tiến Thịnh	2021-2023	Sđất 1489m2; Xây dựng 23,7mx16m	3606/QĐ-UBND 06/11/2020	6.446			2.500	2.500	UBND huyện Mê Linh	
27	Xây mới 04 nhà văn hóa thôn Ninh Kiều, Môn Tự, Diên Quy xã Tân Dân, thôn Đường 3 xã Phù Lỗ		1	xã Tân Dân, Phù Lỗ	2021-2022	XD mới 04 nhà văn hóa	2632/QĐ-UBND 06/7/2021	20.250			8.000	8.000	UBND huyện Sóc Sơn	
28	Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá		1	xã Thạch Xá	2022	Xây mới 01 NVH thôn	4294/QĐ-UBND 29/10/2019	4.500			2.500	2.500	UBND huyện Thạch Thất	
29	Thôn Tây Phương, xã Thạch Xá		1	xã Thạch Xá	2021	Xây mới 02 NVH thôn	6508/QĐ-UBND 27/10/2017	5.800	2.619		2.500	2.500	UBND huyện Thạch Thất	
30	Thôn Thanh Cầu, xã Lại Thượng		1	xã Lại Thượng	2021-2022	Xây mới 01 NVH thôn	1865/QĐ-UBND 8/6/2021	5.439			2.500	2.500	UBND huyện Thạch Thất	
31	Thôn Thượng Cung, xã Tiên Phong		1	xã Tiên Phong	2021-2023	Nhà văn hóa 1 tầng và phụ trợ	211/QĐ-UBND 20/5/2021	4.070			2.500	2.500	UBND huyện Thường Tín	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMBT						
32	Thôn Định Quán, xã Tiên Phong		1	xã Tiên Phong	2021-2023	Nhà văn hóa 1 tầng và phụ trợ	212/QĐ-UBND 20/5/2021	4.851			2.500	2.500	UBND huyện Thường Tín	
33	Thôn Hoàng Xá, xã Khánh Hà		1	xã Khánh Hà	2020-2022	Nhà văn hóa 2 tầng và phụ trợ	218/QĐ-UBND 09/12/2020	2.344			2.000	2.000	UBND huyện Thường Tín	
34	Thôn Lộc Dư, xã Nguyễn Trãi		1	xã Nguyễn Trãi	2021-2022	nhà văn hóa 1 tầng và phụ trợ	66/QĐ-UBND 27/2/2021	2.824			2.500	2.500	UBND huyện Thường Tín	
III	XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÙNG ẢNH HƯỞNG	4	13					768.229	8.213	92.000	270.300	362.300		
III.1	<i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>		4					128.388	7.673	92.000	-22.500	69.500		
III.1.1	<i>Điều chỉnh giảm</i>		3					111.743	2.000	92.000	-30.500	61.500		
1	Xây mới trụ sở UBND xã Nam Phương Tiến		1	xã Nam Phương Tiến	2020-2022	Xây mới	4507/QĐ-UBND 28/5/2020	36.993		26.500	-11.500	15.000	UBND huyện Chương Mỹ	Ảnh hưởng bão năm 2020
2	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường và rãnh thoát nước trên địa bàn xã Xuân Sơn		1	Xã Xuân Sơn	2020-2021	Cải tạo, nâng cấp 1110m; 9.843mm rãnh trên địa bàn xã	1372/QĐ-UBND 15/10/2019; 558/QĐ-UBND 01/6/2020	29.775	1.000	26.500	-6.000	20.500	UBND thị xã Sơn Tây	
3	Xây dựng trụ sở UBND xã Đường Lâm		1	Xã Đường Lâm	2021-2023	Nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND 3 tầng; Hội trường...	1104/QĐ-UBND 30/9/2020	44.975	1.000	39.000	-13.000	26.000	UBND thị xã Sơn Tây	
III.1.2	<i>Điều chỉnh tăng</i>		1					16.645	5.673		8.000	8.000		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang thôn Lai Sơn		1	xã Bắc Sơn	2019-2021		6868/QĐ-UBND 25/10/2019	16.645	5.673		8.000	8.000	UBND huyện Sóc Sơn	
III.2	<i>Dự án mới khởi công trong các tháng cuối năm 2021</i>	4	9					639.841	540		292.800	292.800		
1	Xử lý nước thải làng nghề chế biến tinh bột Sắn Minh Hồng xã Minh Quang		1	Xã Minh Quang	2021-2023	Cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và đường giao thông; L=4,05km, rãnh 800mm	3356/QĐ-UBND 12/6/2021	14.900			9.800	9.800	UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường liên thôn Cộng Hòa đi Thuận An, xã Thái Hòa		1	xã Thái Hòa	2021-2023	L= 3,2km; Đường kết cấu BTXM; Bm 3-4,5m, rãnh thoát nước 2 bên, kè đá,	3350/QĐ-UBND 12/6/2021	20.018			10.000	10.000	UBND huyện Ba Vì	Vùng ảnh hưởng bãi rác thải Xuân
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông xã Cẩm Lĩnh đi đường giao thông liên xã Cẩm Lĩnh - Phú Sơn, huyện Ba Vì		1	xã Cẩm Lĩnh	2021-2023	L=6,17 km; Bn=7-8m; Bm 3,5-5,5m, mặt đường BTXM...	2886/QĐ-UBND 24/5/2021	30.000			15.000	15.000	UBND huyện Ba Vì	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMBT						
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên thôn xã Cẩm Lĩnh		1	xã Cẩm Lĩnh	2021-2023	L= 5,87km; Đường kết cấu BTXM; Bm =5-5,5m, rãnh thoát nước 2 bên, kè đá,	3346/QĐ-UBND 12/6/2021	25.000			15.000	15.000	UBND huyện Ba Vì	Sơn, thị xã Sơn Tây
5	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL32 đi trung tâm xã Phú Sơn		1	xã Phú Sơn	2021-2023	L=2,53km; Bm=4-8m; BTN và hạ tầng phụ trợ	3352/QĐ-UBND 12/6/2021	20.000			10.000	10.000	UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Hồng Kỳ A		1	xã Hồng Kỳ	2021-2022	Xây thêm 6 phòng học, mua sắm trang thiết bị đồng bộ	4707/QĐ-UBND 04/12/2020	14.500			9.000	9.000	UBND huyện Sóc Sơn	Vùng ảnh hưởng bãi rác thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn
7	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Bắc Sơn (giai đoạn 3)	1		Xã Bắc Sơn	2021-2022	L=27,54km	3269/QĐ-UBND 22/9/2020	75.509			40.000	40.000	UBND huyện Sóc Sơn	
8	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Nam Sơn (giai đoạn 3)	1		Xã Nam Sơn	2021-2022	L=18.040,79m	3047/QĐ-UBND 10/9/2020	61.995			30.000	30.000	UBND huyện Sóc Sơn	
9	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính xã Hồng Kỳ (giai đoạn 3)		1	Xã Hồng Kỳ	2021-2022	L=6945,58m	4131/QĐ-UBND 11/11/2020	28.825			15.000	15.000	UBND huyện Sóc Sơn	
10	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 – Tỉnh lộ 131 (Qua KCN Nội Bài) giai đoạn 2	1		Xã Tiên Dược, Mai Đình	2022-2023	L=3.974,25m	2634/QĐ-UBND 06/7/2021	120.203			67.000	67.000	UBND huyện Sóc Sơn	
11	Cải tạo, nâng cấp đường Quốc lộ 3 - Kim Sơn - Đường 35		1	Xã Hồng Kỳ	2021-2023		3306/QĐ-UBND 25/9/2020	47.452	540		25.000	25.000	UBND huyện Sóc Sơn	
12	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Vĩnh Hà - Hồ Đồng Quan		1	xã Nam Sơn	2022-2024		7257/QĐ-UBND 30/10/2015	14.996			7.000	7.000	UBND huyện Sóc Sơn	
13	Cải tạo, xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Hồng Kỳ - Đô Tân	1		Xã Hồng Kỳ, Xã Bắc Sơn	2022-2025	L=5.933,4m	2637/QĐ-UBND 06/7/2021	166.443			40.000	40.000	UBND huyện Sóc Sơn	
IV	HỖ TRỢ CÁC HUYỆN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KINH TẾ	21	47					4.463.984	343.200	240.500	1.173.400	1.413.900		
IV.1	<i>Dự án đang triển khai thực hiện</i>	5	3					922.702	343.200	240.500	-42.800	197.700		
IV.1.1	<i>Điều chỉnh giảm</i>	3	2					750.621	313.200	213.500	-94.800	118.700		
1	Đường liên xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến đi đường Hồ Chí Minh	1		các xã Thanh Bình, Tân Tiến, Nam Phương Tiến	2020-2021	7660m	6332/QĐ-UBND 17/10/2019	158.513	34.500	64.500	-35.000	29.500	UBND huyện Chương Mỹ	Vương GPMB
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Đồi Miếu		1	xã Nam Phương Tiến	2020-2021	5377m	6331/QĐ-UBND 17/10/2019	22.085	16.000	5.000	-1.000	4.000	UBND huyện Chương Mỹ	ĐA HT quyết toán
3	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường Nguyễn Văn Trỗi, đoạn từ thị trấn Chúc Sơn đến đường Hồ Chí Minh	1		huyện Chương Mỹ	2019 - 2022	L = 8300m	2941/QĐ-UBND 21/5/2019	145.403	62.900	69.000	-14.000	55.000	UBND huyện Chương Mỹ	Thực hiện chậm do giãn cách

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMBT						
4	Xây dựng tuyến đường phía Tây thôn Hội Phú nối với đường khu tái định cư Đồng Hội đến		1	xã Đồng Hội	2020-2022	Cải tạo đường hè, cây xanh, chiếu sáng	4048/QĐ-UBND 8/7/2019	55.732	20.400	30.000	-19.800	10.200	UBND huyện Đông Anh	giảm quy mô DA
5	Đường trục phát triển các xã vùng Bán sơn địa huyện Quốc Oai (tuyến ĐH 09 Phú Cát -	1		Phú Cát, Hòa Thạch,	2019-2023	7540m	5079/QĐ-UBND 29/10/2018	368.888	179.400	45.000	-25.000	20.000	UBND huyện Quốc Oai	
IV.1.2	Điều chỉnh tăng	2	1					172.081	30.000	27.000	52.000	79.000		
1	Đường trục xã Quang Lăng (nối từ tỉnh lộ 428 đi Chùa Viên Minh)	1		xã Quang Lăng	2021-2023	L = 2,970m; Bnền = 9m (gồm 1 tuyến chính và 2 tuyến nhánh), GPMB ...	5490/QĐ-UBND 31/12/2019	69.954		13.000	19.000	32.000	UBND huyện Phú Xuyên	
2	Đường trục trung tâm xã Tân Phú	1		Tân Phú	2020-2021	L=2,428km, Bn=9m	4150/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	73.980	30.000		30.000	30.000	UBND huyện Quốc Oai	
3	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Thanh Mỹ - Xuân Sơn		1	xã Thanh Mỹ, Xuân Sơn	2021-2023	3828m	1323/QĐ-UBND 12/11/2020	28.147		14.000	3.000	17.000	UBND thị xã Sơn Tây	
IV.2	Dự án mới khởi công trong các tháng cuối năm 2021	16	44					3.541.282			1.216.200	1.216.200		
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Tân Lĩnh - Yên Bái đi UBND xã Văn Hòa		1	xã Văn Hòa	2021-2023	Đường GTNT; L=7,2km; Kết cấu BTN, BTXM; Bn=4-7m	3349/QĐ-UBND 12/6/2021	60.000			30.000	30.000	UBND huyện Ba Vì	
2	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Đồng Bàng - Phú Châu (Nối QL32 đi đê Hữu Hồng)	1		xã Đồng Thái, xã Phú Châu	2022-2024	Chiều dài L= 4,56 km; Bm= 5-7m. Kết cấu BTN, rãnh thoát nước 2 bên, ATGT	3345/QĐ-UBND 12/6/2021	75.000			35.000	35.000	UBND huyện Ba Vì	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL412 đi đường liên xã Tiên Phong - Thụy An		1	xã Tiên Phong, xã Thụy An	2021-2023	Chiều dài L= 8,53 km; Bm= 5-5,5m. BTXM, rãnh thoát nước 2 bên, ATGT	3347/QĐ-UBND 12/6/2021	45.000			25.000	25.000	UBND huyện Ba Vì	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cam Thượng - Đông Quang		1	Cam Thượng - Đông Quang	2021-2023	L= 10,7 km	2197/QĐ-UBND 28/4/2021	39.950			17.000	17.000	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo, mở rộng đường trục xã từ Ngầm tràn đến trung tâm xã Minh Châu		1	xã Minh Châu	2021-2023	L=4,86km; Bn=7m; Bm 3-4,5m, BTXM và các hạng mục khác	3348/QĐ-UBND 12/6/2021	14.700			7.000	7.000	UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo nâng cấp đường trục chính và hệ thống tiêu thoát nước xã Vạn Thắng		1	xã Vạn Thắng	2021-2022	Đường trục chính dài 2,7km, BTXM, B=5m, rãnh thoát nước B1200 cho 3 trường học, trạm y tế và khu dân cư	3354/QĐ-UBND 12/6/2021	14.900			7.000	7.000	UBND huyện Ba Vì	
7	Xây dựng hệ thống đường xung quanh và kè đá chống sạt lở bờ hồ cụm di tích lịch sử Lăng Chu Quyển, xã Chu Minh		1	xã Chu Minh	2021-2023	Xây dựng hệ thống kè đá học chống sạt lở quanh hồ phía trước lăng, mở rộng mặt đường...	3355/QĐ-UBND 12/6/2021	14.500			10.000	10.000	UBND huyện Ba Vì	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	NĂng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bổ tri/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMDT						
8	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trục chính Vân Hội		1	xã Phong Vân	2021-2022	L=3,52km, Bm=4-6m	3353/QĐ-UBND 12/6/2021	14.900			7.000	7.000	UBND huyện Ba Vì	
9	Cải tạo nâng cấp trạm bơm nương Xoan và kênh tưới xã Thụy An		1	xã Thụy An	2023-2025	Cải tạo, nâng cấp TB nương Xoan 1 và 3,0 kênh tưới phục vụ sản xuất tưới 51ha	3346/QĐ-UBND 12/6/2021	14.579			7.000	7.000	UBND huyện Ba Vì	
10	Cứng hóa hệ thống kênh tiêu thôn Phú An - Trung Hà, xã Thái Hòa		1	xã Thái Hòa	2021-2023	Hệ thống kênh 2,894km, B1300 xây gạch, mái kênh BTCT	3357/QĐ-UBND 12/6/2021	14.980			7.000	7.000	UBND huyện Ba Vì	
11	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu xã Minh Châu		1	xã Minh Châu	2022-2025	Xây dựng 1,74km kênh tiêu rãnh gạch B1-1,4m phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh	3342/QĐ-UBND 12/6/2021	14.600			7.000	7.000	UBND huyện Ba Vì	
12	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hóa mặt đê máng 7 (Đoạn Hoàng Diệu - Thượng Vực)		1	Xã Hoàng Diệu, xã Quảng Bị	2021-2023	L=3,06km, Bn=9m, Bm=7m	3722/QĐ-UBND 29/6/2021	47.708			20.000	20.000	UBND huyện Chương Mỹ	
13	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Quảng Bị đi xã Thượng Vực		1	xã Quảng Bị, Thượng Vực	2021-2023	L=2,6km, Bn=7m, Bm=5,5m	1745/QĐ-UBND 25/3/2021	47.045			20.000	20.000	UBND huyện Chương Mỹ	
14	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Đồng Lạc và cứng hóa kênh		1	Xã Đồng Lạc	2022-2024	XD công trình trạm bơm, máy bơm, bể hút, bể xả, trạm biến áp	3907/QĐ-UBND 06/7/2021	40.807			18.000	18.000	UBND huyện Chương Mỹ	
15	Đường bờ trái kênh Đan Hoài GĐ 2 (đoạn từ cầu vào trường THCS Dương Liễu đến đường Minh Khai - Đức Thượng)	1		Xã Dương Liễu, Minh Khai	2019-2021	L=1,75Km. Đầu tư toàn tuyến mặt cắt rộng 13m	8618/QĐ-UBND 30/11/2020	90.740			30.000	30.000	UBND huyện Hoài Đức	
16	Nâng cấp, cải tạo đường Sơn Đồng - Song Phương đoạn từ cầu Sơn Đồng đến Đê Tả Dáy	1		Sơn Đồng - Song Phương	2021-2023	L=3.325m. B nền trung bình =12,5:15,5	8607/QĐ-UBND 27/11/2020	188.910			80.000	80.000	UBND huyện Hoài Đức	
17	Tuyến đường dọc kênh Đan Hoài phía bờ trái từ Tiền Yên đến Song Phương		1	Xã Tiền Yên, Song Phương	2021-2023	L= 1.525m. Bm=5,5m. Bề rộng vỉa hè BH=1.0m	8609/QĐ-UBND 27/11/2020	58.696			28.000	28.000	UBND huyện Hoài Đức	
18	Chỉnh trang hoàn thiện đường Lại Yên - An Khánh (đoạn Cầu Khum - Địa Sáo)		1	Lại Yên - An Khánh	2021-2023	L= 1963m, mặt đường, vỉa hè, cây xanh	8610/QĐ-UBND 27/11/2020	38.635			15.000	15.000	UBND huyện Hoài Đức	
19	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường dọc kênh Đan Hoài từ Minh Khai đến cầu Cát Quế		1	Minh Khai- Cát Quế	2020-2021	L=2,7Km; B=13m	3757/QĐ-UBND 28/5/2020	36.976			15.000	15.000	UBND huyện Hoài Đức	
20	Xây dựng hệ thống thoát nước thải kết hợp cải tạo trục đường giao thông tuyến từ đê Tả Dáy đi thôn 8, thôn 9, thôn Cát Ngòi đến đường ĐH04		1	Cát Quế	2021-2023	L=2.990m; B=5m	8804/QĐ-UBND 03/12/2020	38.148			15.000	15.000	UBND huyện Hoài Đức	
21	Cải tạo tuyến đường Lại Yên - Vân Canh		1	Xã Lại Yên - Vân Canh	2021-2023	L= 1,3Km. B mặt đường: 9m-11m	8608/QĐ-UBND 27/11/2020	22.998			15.000	15.000	UBND huyện Hoài Đức	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMĐT						
22	Đường từ QL 32 khớp nối khu đô thị CIENCO5		1	Hoài Đức	2019-2021	L=639,5m; B=14m mặt	5397/QĐ-UBND 30/10/2019	37.076			22.000	22.000	UBND huyện Hoài Đức	
23	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường từ Đê tả Sông Hồng đi đường Mê Linh (đoạn từ xóm Tỏi, thôn Khê Ngoại, xã Văn Khê - thôn Tân Châu, xã Chu Phan đến đường Mê Linh)		1	xã Văn Khê, Chu Phan	2021-2023	L=3907m	1156/QĐ-UBND 15/3/2021	20.467			8.000	8.000	UBND huyện Mê Linh	
24	Đường từ tỉnh lộ 424 đi Hợp Tiến, Hợp Thanh		1	Hợp Tiến, Hợp Thanh	2021-2023	L=2,068km, Bn=6,5m, Bm=5,5m	1516/QĐ-UBND 19/8/2016	32.799			12.000	12.000	UBND huyện Mỹ Đức	
25	Cải tạo, nâng cấp đường Đục Khê đi Tiên Mai, huyện Mỹ Đức (Giai đoạn 2)		1	Xã Hương Sơn	2021-2023	L=1.222m	2002/QĐ-UBND 20/8/2021	78.832			28.000	28.000	UBND huyện Mỹ Đức	
26	Nạo vét, tu bổ kênh mương xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên	1		huyện Phú Xuyên	2021-2024	L=09km; nạo vét, tu bổ, xây dựng kiên cố hóa phục vụ tưới tiêu	2105/QĐ-UBND 19/4/2021	80.000			32.000	32.000	UBND huyện Phú Xuyên	
27	Cứng hóa kênh mương tuyến chỉnh kết hợp đường giao thông nội đồng Hòa Mỹ, Hồng		1	xã Hồng Minh	2021-2022	L=2,95km; nạo vét, kè cứng hóa kênh	2211/QĐ-UBND 28/4/2021	34.994			14.000	14.000	UBND huyện Phú Xuyên	
28	Cải tạo, nâng cấp đường trục kết hợp cứng hóa kênh mương xã Tri Thủy		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=2,8Km	2287/QĐ-UBND 17/5/2021	34.954			10.000	10.000	UBND huyện Phú Xuyên	
29	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương đường trục xã Minh		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=2,5km	2288/QĐ-UBND 17/5/2021	34.918			10.000	10.000	UBND huyện Phú Xuyên	
30	Nạo vét, tu bổ kênh mương xã Quang Lãng, huyện Phú Xuyên		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=6,75km	2289/QĐ-UBND 17/5/2021	28.880			5.000	5.000	UBND huyện Phú Xuyên	
31	Đường Quân sự Châu Can (Giai đoạn 2)		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=3.143,01m; B=5-7,5m	2449/QĐ-UBND 01/6/2021	46.993			15.000	15.000	UBND huyện Phú Xuyên	
32	Đường Khai Thái (thôn Vĩnh Hạ) đi Tri Thủy (Thôn Vĩnh Ninh)		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=911,03m; B=6,5m	1418/QĐ-UBND 22/4/2021	12.973			10.000	10.000	UBND huyện Phú Xuyên	
33	Đường giao thông nối từ đường tỉnh lộ 428 (chợ Bìm) đi thôn Vĩnh Thượng xã Khai Thái (đến cầu Văn Chỉ)		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=1,75Km; B=7,5m	3038/QĐ-UBND 05/7/2021	41.733			15.000	15.000	UBND huyện Phú Xuyên	
34	Đường trục GT nối đường tỉnh 428 lên Đê sông Hồng		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=1,7km; B=9m	3039/QĐ-UBND 05/7/2021	43.000			15.000	15.000	UBND huyện Phú Xuyên	
35	Cải tạo, nâng cấp đường Nam Tiến Phú Minh		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=1450m; B=6,5-9m	3037/QĐ-UBND 05/7/2021	30.915			10.000	10.000	UBND huyện Phú Xuyên	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bố trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMBT						
36	Đường trục kết nối An Bình - Thủy Trú - Giáp Tư		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=3,7km. Bm=9m	3040/QĐ-UBND 06/7/2021	33.830			14.700	14.700	UBND huyện Phú Xuyên	
37	Đường trục kết nối Duyên Trang - Duyên Yên		1	Huyện Phú Xuyên	2021-2023	L=3,03km, Bn=9m	3041/QĐ-UBND 06/7/2021	34.389			15.000	15.000	UBND huyện Phú Xuyên	
38	Xây dựng, hoàn chỉnh tuyến trục phía Tây Nam kết nối với huyện Hoài Đức và khu đô thị vệ tinh Hòa Lạc đoạn ĐH 02 đi ĐH 01 (Quốc Oai - Hoà Thạch)	1		Quốc Oai	2021-2023	L=3,7km. Bm=9m	2489/QĐ-UBND 05/4/2021	122.244			40.500	40.500	UBND huyện Quốc Oai	
39	Xây dựng đường giao thông xã Phượng Cách (tuyến nối từ TL421B đi đường TL421A)	1		Quốc Oai	2021-2023	L=3,56km. Bn=9m	2493/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	61.190			26.000	26.000	UBND huyện Quốc Oai	
40	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh từ khu đấu giá trung tâm đi trường mầm non xã Hương Ngải		1	Xã Hương Ngải	2021-2022	L=760m, Bn=11,5m	2733/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	22.500			10.000	10.000	UBND huyện Thạch Thất	
41	Đường giao thông nông thôn xã Đồng Trúc (đoạn đôi Phê đi ao Đìa Hoi và đoạn ngã tư Trúc Động đi Đại lộ Thăng Long)		1	xã Đồng Trúc	2021-2023	L=1.027,34m	3304/QĐ-UBND 25/8/2021	31.187			5.000	5.000	UBND huyện Thạch Thất	
42	Nâng cấp, mở rộng đường Kim Thụ - Đỗ Động - Thanh Văn	1		xã Kim Thụ, Đỗ Động, Thanh Văn	2022-2023	Chiều dài tuyến khoảng: 4.500m. Mặt cắt tuyến đường 9,0m	3133/QĐ-UBND 18/6/2021	145.000			60.000	60.000	UBND huyện Thanh Oai	
43	Đường QL 21B từ ngã ba Thạch Bích đi Chương Mỹ (Giai đoạn II)		1	xã Cao Viên	2022-2023	L=800m, Bm= 13m, cấp IV	3134/QĐ-UBND 18/6/2021	48.000			20.000	20.000	UBND huyện Thanh Oai	
44	Đường Bích Hòa - Bình Minh đi đường tỉnh lộ 427, huyện Thanh Oai	1		xã Bích Hòa, xã Bình Minh	2021-2022	L=2.820 m, Bn=13m	4424/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	106.367			50.000	50.000	UBND huyện Thanh Oai	
45	Đường trục liên xã Thăng Lợi - Tô Hiệu (Đoạn từ Kiều Thị đến TL429), huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	1		Thăng Lợi - Tô Hiệu	2021-2025	L=3km, Bm7m (2x3,5m),... ...	2110/QĐ-UBND 02/7/2021	79.421			24.000	24.000	UBND huyện Thường Tín	
46	Đường Lê Tông Quang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội		1	Thị trấn - VB	2020-2022	Chiều dài 438m, mặt cắt 13m	4818/QĐ-UBND 30/11/2020	41.329			7.500	7.500	UBND huyện Thường Tín	
47	Đường liên xã Nguyễn Trãi - Tân Minh, huyện Thường Tín	1		Huyện Thường Tín	2018-2023	L=1917m; B=9m	3530/QĐ-UBND 11/10/2018; 2557/QĐ-UBND 09/7/2021	79.069			21.000	21.000	UBND huyện Thường Tín	
48	Đường từ Quốc lộ 1A đi đê sông Nhuệ xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín		1	Huyện Thường Tín	2021-2025	L=2.613 km; B=9m	1456/QĐ-UBND 11/5/2021	27.549			8.000	8.000	UBND huyện Thường Tín	

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA		Địa điểm	KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư		Lũy kế vốn bổ trí/giải ngân hiện nay	KH 2021 đã giao	KH điều chỉnh	KH 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số quyết định	TMDT						
49	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Nguyễn Trãi - Dũng Tiến (đoạn từ chùa Đậu đến chợ Ba Làng), huyện Thường Tín	1		Huyện Thường Tín	2019-2021	L=2,66km; B= 9-12m	4176/QĐ-UBND 28/10/2019	75.829			25.000	25.000	UBND huyện Thường Tín	
50	Đường trục chính xã Chương Dương từ dốc đê Hữu Hồng (xóm 1 xã Chương Dương) đến kênh Đông, huyện Thường Tín		1	Huyện Thường Tín	2018-2022	L=2,036km; B=7,5m	1255/QĐ-UBND 16/4/2021	27.025			9.500	9.500	UBND huyện Thường Tín	
51	Đường giao thông liên xã Hòa Phú đi Hòa Nam, Vạn Thái (từ làng Quan Xá đến gốc đê thôn Nội Xá nối đường Vạn Thái - Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa)		1	Huyện Ứng Hòa	2023-2025	L=3,2km, BTN, Bn=6,5m, Bm=5,5m	655/QĐ-UBND 05/7/2021	50.000			25.000	25.000	UBND huyện Ứng Hòa	
52	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình huyện Ứng Hòa	1		huyện Ứng Hòa	2021-2023	01 tuyến chính và 01 tuyến nhánh với L=5km	829/QĐ-UBND 24/08/2021	195.197			40.000	40.000	UBND huyện Ứng Hòa	
53	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa	1		huyện Ứng Hòa	2021-2023	L=4,85 km; B=18,5m	827/QĐ-UBND 24/08/2021	267.380			55.000	55.000	UBND huyện Ứng Hòa	
54	Nâng cấp mở rộng đường giao thông liên xã Hòa Lâm - Trung Tú (từ đường Cần Thơ - Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)	1		huyện Ứng Hòa	2021-2024	L=7.716 km; B=9m	828/QĐ-UBND 24/08/2021	199.600			27.000	27.000	UBND huyện Ứng Hòa	
55	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi trục kinh tế phía nam huyện Ứng Hòa	1		huyện Ứng Hòa	2021-2023	L=3,03km, Bn=9m	818/QĐ-UBND 24/08/2021	130.000			30.000	30.000	UBND huyện Ứng Hòa	
56	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển kinh tế phía Nam	1		huyện Ứng Hòa	2021-2023	L=4km; B=9m	359/QĐ-UBND 19/04/2021	180.000			40.000	40.000	UBND huyện Ứng Hòa	
57	Đường giao thông liên xã Trường Thịnh đi Hoa sơn, Cao Thành huyện Ứng Hòa		1	huyện Ứng Hòa	2021-2023	L=2752,5 m	180/QĐ-UBND 12/03/2021	35.000			13.000	13.000	UBND huyện Ứng Hòa	
58	Cải tạo nâng cấp đường trục liên xã Liên Bạt đi thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa		1	xã Liên Bạt	2021-2022	L=3008,48m	819/QĐ-UBND 24/8/2021	14.946			11.000	11.000	UBND huyện Ứng Hòa	
59	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước xã Đường Lâm (Khu vực thôn Phụ Khang)		1	Xã Đường Lâm	2021-2023	L=3.195m, rãnh thoát nước B=30cm	176/QĐ-UBND 09/02/2021	22.795			9.000	9.000	UBND thị xã Sơn Tây	
60	Hệ thống chiếu sáng đường trục xã Sơn Đông giai đoạn 2		1	Xã Sơn Đông	2021-2023	L= 26.038m	1326/QĐ-UBND 12/11/2020	19.129			9.000	9.000	UBND thị xã Sơn Tây	

Phu lục 5
BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ NGÂN SÁCH CÁC QUẬN HỖ TRỢ CÁC HUYỆN NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 229 /BC-UBND ngày 06 /9/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các quận hỗ trợ	Kinh phí các quận đề xuất hỗ trợ năm 2021	Nguồn vốn hỗ trợ	Huyện/Thị xã nhận hỗ trợ	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Cam kết giải ngân của các huyện ước đến 31/01/2022	Đề xuất Ngân sách quận hỗ trợ huyện năm 2021	
									Số DA	Kinh phí
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12
	Tổng số	551.489					676.141	371.539	18	370.000
	Lĩnh vực giáo dục						647.468	359.500	12	358.000
	Lĩnh vực văn hóa						23.450	9.439	5	9.400
	Lĩnh vực y tế						5.223	2.600	1	2.600
I	UBND quận Bắc Từ Liêm (Văn bản số: 890/UBND-TCKH ngày 12/4/2021, 1858/UBND-TCKH 23/6/2021 và 2047/UBND-TCKH ngày 11/7/2021)	19.950	Nguồn KH2021, điều chỉnh của một số dự án vướng mắc không có khả năng giải ngân hết KH được giao	UBND huyện Ba Vì	Xây dựng nhà văn hóa thôn Vân Sa 1, xã Tân Hồng, huyện Ba Vì	2440/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000	2.500	1	2.500
					Xây dựng nhà văn hóa thôn Trung Hà, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì	2446/QĐ-UBND 11/5/2021	4.000	2.500	1	2.500
II	UBND quận Hà Đông (VB số: 141/UBND-TCKH ngày 18/01/2021 và 2090/UBND-TCKH ngày 09/7/2021)	5.100	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2019, 2020	UBND huyện Phúc Thọ	Trạm y tế xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ	4079/QĐ-UBND 11/11/2020	5.223	2.600	1	2.600
				UBND huyện Mỹ Đức	Nhà văn hóa thôn Phúc Lâm Trung, xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức	964/QĐ-UBND 11/6/2018	2.500	1.250	1	1.250
					Nhà văn hóa thôn Án Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	965/QĐ-UBND 11/6/2018	2.500	1.250	1	1.250
III	UBND quận Hoàn Kiếm (VB số 521/UBND-TCKH ngày 29/4/2021)	31.939	Nguồn tăng thu năm 2020	UBND huyện Chương Mỹ	Nhà văn hóa thôn Phụ Chính, huyện Chương Mỹ	4090/QĐ-UBND 16/7/2021	10.450	1.939	1	1.900
					Trường THCS Nam Phương Tiến A, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ	2586/QĐ-UBND 26/4/2019	35.857	15.000	1	15.000
				UBND huyện Mỹ Đức	Xây dựng trường mầm non xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	2181/QĐ-UBND 18/9/2019	44.837	15.000	1	15.000

STT	Các quận hỗ trợ	Kinh phí các quận đề xuất hỗ trợ năm 2021	Nguồn vốn hỗ trợ	Huyện/Thị xã nhận hỗ trợ	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Cam kết giải ngân của các huyện ước đến 31/01/2022	Đề xuất Ngân sách quận hỗ trợ huyện năm 2021	
									Số DA	Kinh phí
IV	UBND quận Hoàng Mai (VB số: 644/UBND-TCKH ngày 26/3/2021 và 1845/UBND-TCKH ngày 09/7/2021)	95.000	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất, phí, thuế năm 2020	UBND huyện Sóc Sơn	Xây dựng trường mầm non Kim Lũ (khu Xuân Dương), huyện Sóc Sơn	4712/QĐ-UBND 04/12/2020	60.903	25.000	1	25.000
				UBND huyện Chương Mỹ	Xây dựng trường THCS Hoàng Văn Thụ, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ	2399/QĐ-UBND 23/4/2019	30.577	30.000	1	30.000
V	UBND quận Long Biên (VB số: 12/BC-UBND ngày 12/01/2021 và 219/BC-UBND ngày 13/7/2021)	55.000	Nguồn kết dư ngân sách Quận năm 2020	UBND huyện Phú Xuyên	Xây dựng trường mầm non Vân Từ, huyện Phú Xuyên	2391/QĐ-UBND 26/5/2021	65.678	25.000	1	25.000
				UBND huyện Phúc Thọ	Xây dựng công trình trường mầm non Tam Hiệp B, huyện Phúc Thọ	399/QĐ-UBND 05/02/2021	63.102	30.000	1	30.000
VI	UBND quận Tây Hồ (VB số 472/UBND-TCKH ngày 31/3/2021; 1184/UBND-TCKH ngày 09/7/2021)	344.500	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2020	UBND huyện Phúc Thọ	Xây dựng trường mầm non tại xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ	400/QĐ-UBND 05/2/2021	71.000	35.000	1	35.000
				UBND huyện Sóc Sơn	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Tân Dân, huyện Sóc Sơn	4707/QĐ-UBND 04/12/2020	41.298	30.000	1	30.000
				UBND huyện Mỹ Đức	Xây dựng trường mầm non trung tâm xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức	1695/QĐ-UBND 13/7/2021	50.000	30.000	1	30.000
				UBND huyện Mê Linh	Xây dựng trường mầm non Tiến Thắng, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh	1150/QĐ-UBND 15/3/2021	63.145	50.000	1	50.000
				UBND huyện Ứng Hòa	Xây dựng trường tiểu học Tào Dương Văn, huyện Ứng Hòa	692/QĐ-UBND 13/7/2021	44.500	44.500	1	43.000
				UBND huyện Phú Xuyên	Xây dựng trường tiểu học Nam Phong, xã Nam Phong, huyện Phú Xuyên	2836/QĐ-UBND 23/6/2021	76.571	30.000	1	30.000

Ghi chú:

- UBND huyện Ba Vì được hỗ trợ 02 dự án với kinh phí là 05 tỷ đồng từ UBND quận Bắc Từ Liêm;
- UBND huyện Chương Mỹ được hỗ trợ 03 dự án với kinh phí là 46,9 tỷ đồng (trong đó: UBND quận Hoàn Kiếm hỗ trợ 02 dự án là 16,9 tỷ đồng, UBND quận Hoàng Mai hỗ trợ 01 dự án là 30 tỷ đồng);
- UBND huyện Phú Xuyên được hỗ trợ 02 dự án với kinh phí 55 tỷ đồng (trong đó: UBND quận Long Biên hỗ trợ 01 dự án là 25 tỷ đồng, UBND quận Tây Hồ hỗ trợ 01 dự án là 30 tỷ đồng);
- UBND huyện Phúc Thọ được đề xuất 03 dự án với kinh phí là 67,6 tỷ đồng (trong đó: UBND quận Hà Đông hỗ trợ 01 dự án là 2,6 tỷ đồng, UBND quận Long Biên hỗ trợ 01 dự án là 30 tỷ đồng, UBND quận Tây Hồ hỗ trợ 01 dự án là 35 tỷ đồng)
- UBND huyện Sóc Sơn được đề xuất hỗ trợ 02 dự án với kinh phí là 55 tỷ đồng (trong đó: UBND quận Hoàng Mai hỗ trợ 01 dự án là 25 tỷ đồng, UBND quận Tây Hồ hỗ trợ 01 dự án là 30 tỷ đồng);
- UBND huyện Mỹ Đức được đề xuất 04 dự án với kinh phí là 47,5 tỷ đồng (trong đó: UBND quận Hà Đông hỗ trợ 02 dự án là 2,5 tỷ đồng, UBND quận Hoàn Kiếm hỗ trợ 01 dự án là 15 tỷ đồng, UBND quận Tây Hồ hỗ trợ 01 dự án là 30 tỷ đồng);
- UBND huyện Ứng Hòa được đề xuất 01 dự án với kinh phí là 43 tỷ đồng từ UBND quận Tây Hồ;
- UBND huyện Mê Linh được đề xuất 01 dự án với kinh phí là 50 tỷ đồng từ UBND quận Tây Hồ.